Phần II

KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG CÁC PHƯỜNG THUỘC QUẬN TÂY HỒ

BÀI 7 LỊCH SỬ PHƯỜNG QUẢNG AN

Soi mình trên gương nước Hồ Tây mênh mông - và được thiên nhiên ưu đãi ở nơi đắc địa, phong cảnh hữu tình - đó là Quảng An - một trong tám phường của quận Tây Hồ, cũng là một trong những địa danh văn hóa - du lịch nổi tiếng của Thăng Long - Hà Nội nghìn năm văn hiến.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Sự hình thành của vùng đất Quảng An gắn liền với sự ra đời và phát triển của ba ngôi làng cổ: Quảng Bá, Tây Hồ và Nghi Tàm.

Làng Quảng Bá xưa có tên là Lâm Ấp, trước thế kỷ VIII có tên là Quảng Bố, đến thời Lý là một trong 62 phường của kinh thành Thăng Long. Làng Tây Hồ vốn là phường Tây Hồ từ thời Lý. Làng Nghi Tàm được hình thành từ thế kỷ XII, đời vua Lý Thần Tông với tên khai sinh là trại Tầm Tang. Cái tên trại do chính nhà vua đặt. Trại Tầm Tang gắn với tích công chúa Từ Hoa, con vua Lý Thần Tông dời cung về nơi này dạy dân trồng dâu, nuôi tằm tạo nên một vùng đất nổi tiếng của kinh thành Thăng Long về nghề tơ tằm. Đến thời Trần, trại đổi tên là phường Tích Ma. Sang đến thời Lê, phường Tích Ma đổi tên thành Nghi Tầm do thời Hậu Lê, bà Quỳnh Hoa cùng chồng là Liễu Nghị, Tri phủ Phụng Thiên về ở đây, đã khôi phục lại nghề tằm bị mai một, đưa cung nữ ra cùng dân chăn tằm kéo tơ dệt lụa khổ nhỏ. Sau do trùng với tích bà Từ Hoa công chúa dời cung về dạy nghề cho dân làng nên đổi lại thành Nghi Tàm.

Đến thời Nguyễn, cả 3 làng của Quảng An đều thuộc Tổng Thượng, huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội. Năm 1914, lại thuộc Tổng Thượng, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông; năm 1942, thuộc Đại lý Hoàn Long, ngoại thành Hà Nội.

Tên xã Quảng An được đặt từ ngày 11/12/1955, gồm bốn thôn: Quảng Bá, Tây Hồ, Nghi Tàm, An Dương thuộc Quận 5. Quảng An là lấy chữ đầu tiên thôn Quảng Bá và chữ đầu thôn An Dương ghép lại mà thành. Đến năm 1961, thôn An Dương nhập vào quận Ba Đình, xã Quảng An còn lại ba thôn Quảng Bá, Tây Hồ, Nghi Tàm thuộc huyện Từ Liêm.

Tháng 10-1995, quận Tây Hồ được thành lập, xã Quảng An trở thành phường Quảng An của quận Tây Hồ.

II. QUẢNG AN, VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

1. Vị trí địa lí

Quảng An có vị trí địa lí hết sức đặc biệt, phía bắc và đông bắc giáp phường Nhật Tân, phía đông giáp phường Tứ Liên, phía đông nam giáp phường Yên Phụ và Hồ Tây, phía tây - tây bắc - tây nam giáp Hồ Tây. Diện tích tự nhiên khoảng 377,9 ha, trong đó 21,3 ha đất canh tác ngoài đê với 7,5 km đường dạo ven Hồ Tây.

2. Dân cư

Phường Quảng An có diện tích tự nhiên khoảng 379ha, dân số trên 11 nghìn người (năm 2022), cơ cấu thành 07 tổ dân phố và thường xuyên có trên 5.000 người nước ngoài sinh sống và làm việc trên địa bàn.

3. Kinh tế - xã hội

Những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân phường Quảng An đã triển khai nhiều chủ trương, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng đời sống văn hóa.

Kinh tế của phường tiếp tục phát triển với cơ cấu theo đúng định hướng "Dịch vụ - thương mại - kinh doanh, sản xuất hoa cây cảnh" và phát triển các nghề truyền thống của địa phương. Tăng thu ngân sách gần 10 tỷ đồng so với đầu nhiệm kỳ. Đầu tư về hạ tầng đô thị - xã hội được đặc biệt quan tâm đã làm thay đổi bộ mặt đô thị của phường, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân.

Nhà văn hóa phường Quảng An

Hiện nay, trên địa bàn phường có 1.390 hộ sản xuất kinh doanh, trong đó 1.097 hộ cho thuê nhà (tăng gần 16% so với năm 2015), trung bình hàng năm đóng góp cho ngân sách gần 28 tỷ đồng.

Các hoạt động văn hoá - thể thao và quản lý văn hoá đạt được nhiều kết quả tốt, các thiết chế văn hóa ở cơ sở được quan tâm. Tháng 10-2013, Quảng An trở thành phường đầu tiên của thành phố Hà Nội đạt tiêu chí phường văn hóa. Thành công về xây dựng mô hình phường văn hóa ở Quảng An là những kinh nghiệm hay, được nhân rộng tại nhiều nơi.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo luôn được Đảng ủy quan tâm chỉ đạo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn phường. Đội ngũ giáo viên các trường đều đạt chuẩn và trên chuẩn. Số học sinh giỏi, giáo viên giỏi năm sau cao hơn năm trước. Công tác phổ cập giáo dục được thực hiện tốt. Cả ba trường đều duy trì và giữ vững chất lượng chuẩn quốc gia. Trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Trong thời gian tới, phường Quảng An tiếp tục thực hiện các mục tiêu: Phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương, khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển theo hướng: "Dịch vụ, kinh doanh, sản xuất hoa cây cảnh và phát triển các nghề truyền thống của địa phương"; tăng cường công tác quản lý đất đai, đảm bảo trật tự văn minh đô thị. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; Quyết tâm giữ vững và nâng cao chất lượng danh hiệu "Phường văn hóa", phấn đấu xây dựng "Phường đạt chuẩn đô thị văn minh".

III. DẤU ẤN LỊCH SỬ - VĂN HÓA

1. Các di tích

Nằm trên bán đảo ven Hồ Tây, thiên nhiên Quảng An thật tươi đẹp, phong cảnh hữu tình và khí hậu trong lành. Nghi Tàm nổi tiếng bởi một trong những cảnh đẹp nhất ven Hồ Tây. Theo người xưa, Hồ Tây có tám cảnh đẹp - *"Tây Hồ bát cảnh"* thì Nghi Tàm đã chiếm hai, đó là Bến Trúc và Đồng Bông. Xưa làng Nghi Tàm trồng loại trúc vàng (trúc ngà) ở quanh làng. Chúa Trịnh Giang cho mở bến tắm và nghỉ ngơi ở đây. Đồng bãi là những ruộng trồng hoa; nhiều làng ven Hồ Tây trồng hoa để bán, song chỉ có Đồng Bông (*bông* tiếng Việt cổ là hoa) trước chùa Kim Liên ở Nghi Tàm có nhiều hoa đẹp và thơm được chọn làm hoa tiến vào phủ chúa, cung vua…

Thôn Tây Hồ có xóm Bảo Khánh (nay gọi là Quảng Khánh) là một dải đất nhô ra giữa Hồ Tây. Nơi đây có Xóm Cung - di tích hành cung, xưa kia các vua Lê thường ra xem đánh cá. Trạng Bùng - Phùng Khắc Khoan (1528 - 1613) thường đến vãn cảnh, uống rượu, ngâm thơ ở đây và đã gặp người con gái xinh đẹp có tài làm thơ giỏi đối đáp. Đó là Công chúa Liễu Hạnh; về sau dân xây miếu thờ, gọi là Phủ Bà (Phủ Tây Hồ)…

Quảng An không chỉ nổi tiếng về cảnh đẹp mà còn là mảnh đất lịch sử văn hóa lâu đời với những di tích danh thắng nổi tiếng: Chùa Kim Liên, Đình Nghi Tàm, Phủ Tây Hồ, Đền Kim Ngưu, Chùa Tây Hồ, Đình Tây Hồ, Chùa Quảng Bá, Đình Quảng Bá.

Chùa Kim Liên: Được xây dựng năm 1443 dưới thời nhà Lý, nhà Trần. Ngôi chùa tọa lạc trên bãi Ngư Đại, một gò đất cao của làng Nghi Tàm. Người dân địa phương vẫn gọi là gò Hành Cung hay Gò Cung. Đây là nơi vua Lý Thánh Tông đã cho xây cung Quan Ngư (nơi xem cá). Sau đó Công chúa Từ Hoa (con gái vua Lý Thánh Tông) xin mở trại tắm tang rồi dựng cung Từ Hoa. Cuối thời Trần, nhân dân đã dựng chùa Đống Long trên nền cung Từ Hoa. Thời Lê, chùa được đổi tên là chùa Đại Bi. Đến năm Cảnh Hưng thứ 31 (1770) đổi thành chùa Kim Liên.

Chùa Kim Liên xưa và ngày nay

Đình Nghi Tàm: Nằm trên doi đất phía nam chùa Kim Liên, cách chùa khoảng vài trăm mét. Thời Lê, bà Quỳnh Hoa (con gái ông Trần Vĩ làm quan triều vua Lê Thánh Tông) có chồng tên là Liễu Nghị đỗ tiến sĩ. Sau khi đánh giặc Chiêm Thành thắng lợi, ông được bổ làm quan phủ Phụng Thiên, nên bà được mời vào cung dạy cung nữ. Sau đó, ông bà về ở làng Nghi Tàm, ông dạy học, bà đưa cung nữ ra cùng dân chăn tằm, kéo tơ, dệt lụa, nên được dân gọi là "Bà chúa nghề tằm"; tôn bà làm Thành hoàng và thờ ở đình làng. Triều đình còn sắc phong cho bà "Thượng đẳng phúc thần, ái quốc đồng lưu Quỳnh Hoa phu nhân". Đình còn thờ 5 vị thần, trong đó có 4 vị thủy thần Hồ Tây được các triều vua phong là Thượng đẳng tối linh thần: Minh Khiết Dực thành thần, Triều Đình Phù quốc thần, Bao Trung Cương đoán thần, Hoàng Hiệp Tây hồ thủy thần và Lỗ Quốc Thái sư thần.

Phủ Tây Hồ: Theo truyền thuyết, Phủ được xây dựng vào thế kỷ thứ XVII. Tọa lạc trên doi đất hình Kim Quy, có thế long chầu, hổ phục, thờ Thánh mẫu Liễu Hạnh, người được các triều đại phong là "Linh Mẫu Quốc Mẫu chế thắng hoa diệc Đại Vương mã hoàng bồ tát". Nơi đây đã hình thành câu chuyện huyền thoại giữa Trạng Bùng và Công chúa Liễu Hạnh. Đôi câu đối trong Phủ ghi rõ tài danh của Bà "Thơ họa Tây Hồ, thần nữ vang lừng ba bẩy cõi; Danh truyền Nam xứ, dấu tiên rực rỡ mấy ngàn thu".

Phủ Tây Hồ

Đền Kim Ngưu (đền thờ thần Trâu Vàng) ở làng Tây Hồ, nay thuộc phường Quảng An, toạ lạc trên một doi đất dài nhất, vươn ra tới nửa lòng hồ. Điều đặc biệt là trong số 13 làng cổ quanh hồ, chỉ có làng này mang tên Tây Hồ và cũng chỉ ngôi đền này có tự danh Kim Ngưu. Lai lịch Trâu Vàng liên quan đến truyền thuyết và dã sử. Sách "Lĩnh Nam chích quái" chép rằng: Lạc Long Quân sau khi diệt trừ Cáo Chín

Đền Kim Ngưu

Đuôi, đã cho lập miếu Trâu Vàng để trấn áp yêu quái. Huyền tích Trâu Vàng là kết quả giao thoa văn hoá - tín ngưỡng nông nghiệp của người Việt từ xưa. Di tích được phục dựng và tôn tạo khang trang vào năm 2000, còn bảo tồn những tư liệu hiện vật lịch sử, trong đó có các đạo sắc phong Thần Kim Ngưu tước hiệu Đế Quân, cùng nhiều mỹ từ ca tụng uy đức của Ngài.

Chùa Tây Hồ: Tên chữ là Phổ Linh Tự, được xây dựng năm 1097 đời Lý Nhân Tông, trùng tu vào đời Lê Thánh Tông. Chùa có tấm bia lớn cao 1 m, rộng 0,7 m là Phổ Linh tự bi, dựng vào năm Vĩnh Tộ thứ 4 (1621). Văn bia do tiến sĩ Đỗ Lại Dần soạn: "Phường Tây Hồ có chùa Phổ Linh là nơi thắng cảnh, có Sông Nhĩ bao quanh". Ngoài ra còn hai tấm bia dựng năm 1697 và 1699 và ba quả chuông đúc thời Tây Sơn. Khoảng đầu thế kỷ XVII, chùa được trùng tu với quy mô to lớn như ngày nay, hoàn thành vào năm 1620. Tiếp đó, gác chuông cao to được dựng lên sau khi bị đổ. Nay chuông được treo ở tam bảo, chuông cao 1,5 m và có đường kính rộng 1 m đúc năm Cảnh Thịnh thứ 3 (1785).

Chùa Tây Hồ

Đình Tây Hồ: Đình được xây dựng khá lâu, kiểu kiến trúc chữ Đinh, đã được tu sửa nhiều lần. Đình nguyên là ngôi miếu ở cánh đồng Phủ thờ trông ra xóm Cột Vôi, sau này miếu bị đổ nát, dân làng chuyển vào dựng thành ngôi đình hiện nay. Đình Tây Hồ thờ 5 vị thần là: Triều Đình Cương Nghị Đại Vương, Bảo Trung, Minh Khiết, Phương Nương, Uy Linh Lang và Liễu Hạnh Công Chúa.

Đình Tây Hồ

Chùa Quảng Bá: Tên chữ đầu tiên của chùa là Long Ân Tự. Tương truyền chùa được xây dựng vào thời Lý, do Thiền sư Ngô An (1019 - 1088) người làng khởi lập. Đến cuối đời Lê, năm Vĩnh Tộ thứ 10 (1628), chùa được xây dựng lại có quy mô lớn. Công chúa Nguyễn Thị Ngọc Tú, con gái Đoan Quốc Công Thái tổ Gia dụ Hoàng Đế Nguyễn Hoàng, vợ của Thanh Đô Vương Trịnh Tráng (1623 - 1657) cho xây dựng lại theo quy mô lớn. Năm Minh Mạng thứ 2, chùa đổi tên là Sùng Ân Tự. Đời vua Thiệu Trị, vua ngự giá thăm chùa, sau đó năm 1842, Bộ Lễ xét thấy tên Sùng Ân Tự trùng với tên lăng của vua nên xin đổi là Hoằng Ân Tự.

Vườn tháp chùa Quảng Bá

Đình Quảng Bá: Đình được dựng trên nền của ngôi đền thờ Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng. Trước đó, đình được xây trên gò Con Xà, gần trước cửa chùa Quảng Bá, đến thời Lê được chuyển về địa điểm hiện nay. Ghi nhớ công lao của Đại vương, dân làng Quảng Bá tôn thờ ông làm Thành hoàng làng.

Đình làng Quảng Bá

2. Các làng nghề truyền thống

Sớm quần tụ, định cư trên dải đất phía đông Hồ Tây trước cả khi vua Lý Công Uẩn định đô ở thành Đại La, người dân Quảng An cần cù, sáng tạo trong lao động, khai phá đất đai màu mỡ vùng bãi ven và thủy sản phong phú của Hồ Tây.

Làng Nghi Tàm không chỉ có nghề trồng dâu, nuôi tằm mà từ xưa còn có nghề đánh cá. Thời Lý, đây là trại tằm nổi tiếng cung cấp tơ sống cho các phường quanh Hồ Tây dệt lụa (Thụy Chương), dệt gấm (Trích Sài, Bái Ân). Thời Trần, Nghi Tàm có tên là phường Tích Ma, vì nơi đây có nghề xe gai, đan lưới, đánh cá.

Trước năm 1945, dân làng dùng sợi gai, tơ tằm làm các loại lưới, te, xiếc... và những dụng cụ đánh bắt cá khác. Người Nghi Tàm ít đánh chài mà thường thả lưới. Nhà thơ Nguyễn Huy Lượng thời Tây Sơn, trong bài phú *"Tụng Tây Hồ"* đã viết thật sinh động:

"Chày Yên Thái nện trong sương chểnh choảng

Lưới Nghi Tàm ngăn ngọn nước quanh co"

Trước đây, sợi đan lưới của Nghi Tàm thường thuê người Tây Hồ làm. Sợi được xe từ tơ bẹ, đan lưới xong, đem nhuộm với nước củ nâu nấu chín, hoặc nước vỏ sắn. Sau này, ở đây phổ biến dùng đủ loại câu già chuyên bắt các loại cá chép, cá trôi, trắm, câu giăng chuyên bắt cá ngão, cá trê... câu cò (bắt cá quả, cá trê). Lưới thì thả quanh năm.

Nghi Tàm còn có nghề đặc biệt là bẫy các loại chim hàng năm theo mùa về kiếm ăn quanh Hồ Tây. Đó là các loại vịt trời, le le, bồ nông, cốc, màng két, ương... đặc biệt là sâm cầm. Ca dao cổ có câu:

"Vải Quang, húng Láng, ngổ Đăm

Cá rô đầm Sét, sâm cầm Hồ Tây"

Là dân làng ven đô, người Nghi Tàm trước đây còn đi buôn trầu không và vỏ. Ca dao của làng xưa có câu:

"Muốn ăn rễ tía trầu vàng,

Có con thì gả cho làng Chạ Nghi"

Làng Tây Hồ xưa có nghề xe chỉ, nhuộm thâm. Chẳng thế mà người dân Nghi Tàm đặt họ xe sợi gai đan lưới đánh cá:

"Kim Thằng Quỷ, *chỉ Tây Hồ*

Ai yêu thì lấy, chẳng về lấy ai"

(Ca dao)

Ngoài nghề đánh cá, dân làng còn có nghề trồng sen làm cho cảnh trí Hồ Tây đã đẹp lại càng thêm đẹp:

Đấy vàng đây cũng đồng đen

Đấy hoa thiên lý, đây sen Tây Hồ

(Ca dao)

Làng Quảng Bá xưa sống bằng nghề trồng rau, hoa, ngô, khoai... ngoài bãi, trong đồng lúa hai vụ. Ngoài ra, dân làng Quảng Bá còn theo nghề quăng chài. Quăng chài trên Hồ Tây và các vùng hồ lân cận là công việc nặng nhọc, đòi hỏi phải có sức khỏe và kỹ thuật.

Đặc sản xưa của Quảng Bá phải kể đến ổi. Ổi mọc thành vườn ven đê, ven làng. Ổi ở đây nhiều và ngon nổi tiếng:

"Ổi Quảng Bá, cá Hồ Tây

Hàng Đào tơ lụa làm say lòng người"

3. Danh nhân

Quảng An cũng là quê hương của nhiều danh nhân lịch sử: Tiến sĩ Nguyễn Quang Thọ (khoa Canh Thân 1680), Đại sư Tứ Đĩnh, họ Nguyễn, đỗ Tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676), Bà Huyện Thanh Quan - nữ thi sĩ tiêu biểu của thời đại phong kiến, …

* Em có biết?

Trải qua bao biến thiên của lịch sử, nghề đánh bắt cá, trồng dâu, nuôi tằm của các làng không còn; ổi Quảng Bá cũng không còn. Các đầm sen Tây Hồ, Quảng Bá còn lại rất ít. Người Quảng An chuyển sang trồng các loại cây cảnh, quất cảnh, bon sai, nuôi cá cảnh… cung cấp cho thành phố hàng trăm loài hoa, cây cảnh. Bên cạnh đó, nhiều gia đình ở Quảng An còn có nghề ướp chè hương sen và các loại hoa nhài, bưởi, cúc... Đến nay, chè sen Quảng An đã trở thành thương hiệu vang danh khắp cả nước.

Tháng 7/2012, trà ướp sen hồ Tây bằng phương pháp thủ công từ hàng trăm năm mang thương hiệu Chè sen Quảng An đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho Hợp tác xã Nông nghiệp - Dịch vụ tổng hợp Quảng An.

Loài sen hương, hay còn gọi là sen bách hợp, mỗi bông có nhiều tầng cánh, ấp ủ những hạt nhị trắng tinh như gạo nếp, thơm ngào ngạt. Vào mùa sen, người ta thu lấy gạo hương để ướp trà, theo một quy trình rất công phu, kỹ lưỡng, để có đặc sản trà sen Tây Hồ đã thành thương hiệu nức tiếng gần xa và là một thú vui ẩm thực tao nhã của người Hà Nội.

* Kết nối với hiện tại

Từ một làng quê với xóm cá, làng chài, bùn lầy nước đọng, mái lá nhà tranh, Quảng An đã trở thành một phường đô thị nổi bật của Thủ đô, với cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp lộng gió sông Hồng, Hồ Tây, rực rỡ, tươi thắm với vườn hoa, cây cảnh; khang trang, hiện đại với nhiều nhà cao tầng, biệt thự; cổ kính, sâu lắng hồn thiêng văn hóa nghìn năm với những danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử và cách mạng. Quảng An trở thành vùng đất lành thu hút, hội tụ nhiều người đến sinh sống lập nghiệp lâu dài; là điểm lưu trú lý tưởng của người nước ngoài trong thời gian làm việc, du lịch tại Thủ đô.

Đến với Quảng An, bên cạnh khám phá các danh lam, thắng cảnh, di tích, chúng ta còn có thể tham quan những con phố, tuyến đường, địa danh nổi bật nhất của Hà Nội như Chợ hoa Quảng An - Nét đẹp về đêm của Hà Nội, Phố Từ Hoa - Hiện đại nhưng vẫn lưu giữ bản sắc truyền thống, Phố Tô Ngọc Vân - Con đường thơ mộng ven Hồ Tây, Xuân Diệu - Khu phố Tây nổi tiếng tại Hà Nội…

* Học sinh tìm hiểu

1. Nêu những hiểu biết của em về vùng đất và con người Quảng An?

2. Em hãy giới thiệu về nghề ướp chè sen của người dân Quảng An.

BÀI 8 Lịch sử phường Tứ Liên

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Thời nhà Lý (1010 - 1225), triều đình chủ trương mở mang thành Đại La để xây dựng kinh đô Thăng Long nên nhiều cư dân phải chuyển đi lập nghiệp ở nơi khác. Một bộ phận dân cư của 4 tổng thuộc vùng Đấu Đong, Đấu Để (nay là khu vực Giảng Võ, Quần Ngựa) phải di chuyển đến vùng bãi ven sông Hồng ở phía bắc kinh thành, cùng nhau khai hoang, trồng trọt, tạo dựng cuộc sống mà người ta vẫn quen gọi là Tứ Tổng.

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc ta (1946 - 1954). Tứ Tổng là một căn cứ vững chắc ngay trong lòng địch. Năm 2010, phường Tứ Liên vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống Pháp".

Chuyến đò cuối cùng chở chiến sĩ quyết tử Thủ đô qua sông Hồng sáng sớm 18/12/1947

Nằm gần các mục tiêu trọng điểm bị đế quốc Mĩ đánh phá, nhân dân Tứ Liên đã phối hợp với bộ đội đánh trả máy bay Mĩ, bắt sống giặc lái máy bay góp phần cùng quân và dân Hà Nội đánh bại hai cuộc chiến tranh bằng không quân của đế quốc Mĩ, góp phần giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Với sự dũng cảm, gan dạ, không sợ hi sinh nhân dân phường Tứ Liên đã vinh dự được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Ba vào năm 2003.

Sau ngày 30/4/1975, đất nước được thống nhất, non sông thu về một mối, cả nước đi lên xây dựng CNXH, nhân dân Tứ Liên vô cùng phấn khởi, lạc quan đi theo sự lãnh đạo của Đảng. Đảng bộ và nhân dân Tứ Liên đã đoàn kết, nhất trí, thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, xây dựng vào bảo vệ Tổ quốc và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng làm thay đổi bộ mặt và đời sống của nhân dân.

Lễ đón nhận Huân chương Kháng chiến hạng Ba

Thanh niên Tứ Liên lên đường nhập ngũ bảo vệ tổ quốc

II. TỨ LIÊN VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

1. Vị trí địa lí

Phường Tứ Liên là một đơn vị hành chính cấp phường, trước kia thuộc địa giới hành chính của huyện Từ Liêm. Từ năm 1995 tách khỏi huyện Từ Liêm và đổi tên thành phường Tứ Liên thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội.

Phường Tứ Liên nằm cách trung tâm Thủ đô Hà Nội 5km về phía tây bắc. Phường nằm ven sông Hồng có đường Âu Cơ (đường 23) đi về phía nam vào trung tâm thành phố và đi về phía tây là đường đi cầu Nhật Tân. Phía đông Tứ Liên giáp sông Hồng, bên kia sông là phường Ngọc Thụy, quận Long Biên. Phía tây giáp phường Quảng An. Phía tây bắc giáp phường Nhật Tân. Phía đông nam giáp phường Yên Phụ.

2. Dân cư

Phường Tứ Liên có diện tích 3,51 km², dân số năm 2022 là 18.636 người với trên 4.300 hộ dân.

Trụ sở Đảng ủy - Ủy ban nhân dân phường Tứ Liên

3. Kinh tế - xã hội

Năm 2019, Quất cảnh Tứ Liên đã được công nhận làng nghề quất cảnh truyền thống, góp phần tăng giá trị sản phẩm trồng trọt hàng năm đạt trên 200 triệu đồng/ha. Tổng thu ngân sách hàng năm của phường tăng bình quân từ 5-10%, đảm bảo tăng trưởng ổn định và bền vững. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị của các di tích trên địa bàn phường được đầu tư, phát triển.

Công tác giáo dục phát triển toàn diện, tỷ lệ giáo viên dạy giỏi đạt 78% ở 3 cấp học, tỷ lệ học sinh xuất sắc, học sinh giỏi ở các cấp học đạt tỷ lệ là 30%. Trường Tiểu học, THCS Tứ Liên được quận đầu tư xây mới, bàn giao đưa vào sử dụng năm học 2019 - 2020. Cả 02 trường đã được Thành phố công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Phường thực hiện tốt công tác khám sức khỏe cho nhân dân. Các hoạt động nhân đạo, từ thiện được triển khai với nhiều hình thức như quyên góp, ủng hộ đồng bào vùng bị ảnh hưởng của thiên tai, bão lụt và vùng có nhiều khó khăn.

III. DẤU ẤN LỊCH SỬ - VĂN HÓA

Tứ Liên vốn là một vùng đất cổ của Thăng Long với nhiều huyền thoại và di tích văn hoá đặc sắc. Trên địa bàn phường có các ngôi đình, chùa cổ kính là những minh chứng về các giá trị văn hóa, lịch sử của Tứ Liên như Chùa Vạn Ngọc, Đình Tứ Liên được UBND Thành phố Hà Nội công nhận di tích lịch sử văn hóa năm 2006.

1. Các di tích

a. Đình Ngoại Châu (hay còn gọi là đình Tứ Liên)

Hiện nằm ở ngõ 123 đường Âu Cơ thuộc cụm dân cư số 4, phường Tứ Liên. Đình thờ bốn vị Thành Hoàng là: Bảo Trung Tôn thần, Minh Khiết Tôn thần, Ý Hạnh công chúa và Từ Hoa công chúa.

Kiến trúc: Đình tọa lạc trên một khoảng đất rộng 2.699 m^2, nằm theo hướng Tây Nam và nhìn ra hồ Bụng Cá, đình có kết cấu kiến trúc hình chữ "đinh" gồm 7 gian đại đình và 3 gian hậu cung. Đình đã có từ rất lâu đời, đến năm 1941 đình được chuyển vào trong đê để tránh ngập nước, từ đó đến nay đình đã trải qua nhiều lần tu sửa, tôn tạo.

Đình Tứ Liên

Năm 1999 được sự đồng ý, ủng hộ của các cấp chính quyền và nhân dân, phường Tứ Liên đã xây dựng nhà bia tưởng niệm trong khuôn viên của đình, để ghi tên các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các liệt sĩ đã hy sinh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ bảo vệ Tổ quốc.

Đình Ngoại Châu (đình Tứ Liên) đã được ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa ngày 13 tháng 11 năm 2006.

b. Đình Nội Châu

Đình thuộc khu dân cư số 5, phường Tứ Liên cũng thờ ba vị Thành hoàng là Bảo Trung Tôn thần, Minh Khiết Tôn thần và Ý Hạnh công chúa.

Đình Nội Châu

Kiến trúc: Ngôi đình Nội Châu cũng có kiến trúc hình chữ "đinh", gồm 5 gian 2 dĩ, cửa gỗ bức bàn được xây trên nền cao với bậc tam cấp khá đẹp. Trước đây phía trước tòa đại đình có tòa tiền tế tám mái, nhưng đã bị hư hỏng nay không còn nữa mà chỉ còn một khoảng sân rộng. Hiện nay khuôn viên của đình đã mở rộng hơn do lấy lại phần đất trước kia là trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tứ Liên. Đình đã cải tạo, tu sửa, mở rộng cổng tạo khuôn viên đẹp, rộng rãi, thoáng mát mà không kém phần cổ kính.

c. Đình Ngọc Xuyên và đình Vạn Ngọc

Hai ngôi đình này đều bị giặc Pháp đốt cháy trong một trận càn ngày 4 tháng 2 năm 1947, chỉ còn giữ lại được ngôi hữu mạc Đình Xuyên. Long ngai, bài vị, đồ thờ cúng đều bị cháy hết.

Đình Ngọc Xuyên

Kiến trúc: Nhiều năm sau với sự thành kính và nỗ lực của nhân dân làng Ngọc Xuyên đã sửa chữa lại ngôi hữu mạc, ba vị Thành hoàng lại được thờ tự trong ngôi hữu mạc. Với sự giúp đỡ của các cấp chính quyền và nhân dân, năm 2002 đình Ngọc Xuyên được xây dựng lại trên khuôn viên đẹp, rộng 2.340 m^2. Ngôi đình khang trang xây gạch, lợp ngói mới rất đẹp. Đình Ngọc Xuyên cũng thờ ba vị Thành hoàng là Bảo Trung Tôn thần, Minh Khiết Tôn thần và Ý Hạnh công chúa.

d. Tam Bảo tự (còn có tên gọi là chùa Ba Làng)

Đây là ngôi chùa xây dựng từ năm 1631, chùa đã hai lần bị nước sông Hồng làm đổ, sau đó chùa được chuyển vào vị trí như ngày nay tại 167 đường Âu Cơ. Chùa được đặt theo hướng tây nam, nhìn ra hồ Bụng Cá. Ngôi chùa tọa lạc trên khuôn viên đất rộng khoảng 5.655 m^2.

Kiến trúc: Chùa kiến trúc theo kiểu chữ "đinh" truyền thống, nhà tiền đường 7 gian, cửa gỗ bức bàn. Giờ đây chùa được tu sửa, chỉnh trang cơ bản. Phía trước ngôi tiền đường là mái tam quan lớn ba tầng được trang trí hoa văn. Phía trái là nhà bia. Sau lưng ngôi tiền đường bên phải là căn nhà hai tầng, tầng một là nơi thờ những vong linh nương nhờ cửa Phật, tầng hai là nơi thờ Thánh Mẫu. Bên trái cũng là ngôi nhà hai tầng, tầng một là nhà khách để đón khách đến vãn cảnh chùa, tầng hai là nơi thờ tổ. Sau cùng là gác chuông bằng gỗ ba tầng khá đẹp.

Chùa Ba Làng

e. Linh Am tự (hay còn gọi là chùa Vạn Ngọc)

Nằm tại 167 đường Âu Cơ , chùa quay ra hướng tây nam nhìn ra hồ Bụng Cá. Trải qua nhiều lần trùng tu, nay nhiều di vật quý đã mất nhưng chùa vẫn còn giữ được một cột đá kính thiên, xung quanh có bia khắc niên đại năm Vĩnh Khánh - Tân Hợi (1731), tức thời vua Lê Duy Phường. Qua đó chúng ta có thể thấy rằng đây cũng là một ngôi chùa cổ được xây dựng từ đời Lê, đã qua nhiều lần tu sửa, trùng tu.

Kiến trúc: Chùa có kết cấu kiến trúc theo kiểu chuôi vồ, 5 gian, 2 dĩ, cửa gỗ bức bàn. Bên phải là nhà thờ tổ và nhà khách, phía sau nơi thờ Đức Thánh Mẫu. Thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp chùa Vạn Ngọc là nơi sơ cứu và trung chuyển thương binh về hậu phương. Trong kháng chiến chống Pháp, chùa là cơ sở của cán bộ và công an Thành phố Hà Nội.

Chùa Vạn Ngọc đã được Bộ văn hóa xếp hạng là Di tích lịch sử - văn hóa năm 1994.

2. Các làng nghề truyền thống

Tứ Liên xưa kia vốn là làng trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải. Nhưng đến cuối thập kỉ 60, đầu thập kỉ 70 của thế kỉ trước, nước ta đang trong thời kì chiến tranh, kinh tế còn nhiều khó khăn, vài gia đình trong làng bắt đầu trồng quất cảnh. Nghề canh tác mới của Tứ Liên bắt đầu từ đó.

(Tham khảo thêm Bài 6: Làng nghề truyền thống)

* Em có biết:

Trường THCS Tứ Liên được thành lập năm 1959. Khi mới thành lập, trường còn gặp khó khăn nhiều về cơ sở vật chất, toàn bộ trường nằm trong khuôn viên đình Nội Châu, sân chơi của các em học sinh cũng chính là sân đình. Vì vậy, việc thu hút học sinh tham gia học tập tại trường gặp nhiều khó khăn. Đứng trước thực tế đó, Ban giám hiệu và tập thể giáo viên, nhân viên nhà trường luôn trăn trở tìm mọi biện pháp thu hút học sinh. Biện pháp được nhà trường thống nhất đó là "phải bằng mọi cách nâng cao chất lượng dạy và học của thầy và trò nhà trường".

Đến tháng 9/2019, sau 60 năm phải đi "học nhờ" trong khuôn viên đình Nội Châu, đến nay, ngôi trường THCS Tứ Liên ở số 32, ngõ 124, đường Âu Cơ đã được nhà nước xây dựng khang trang, sạch đẹp.

*Kết nối với hiện tại

Những năm gần đây, các di tích lịch sử phường Tứ Liên đã trở thành điểm đến không chỉ với con em Tứ Liên mà còn là điểm tham quan cho du khách. Mọi người đến để thăm quan cũng như cùng tham gia các lễ hội đình làng.

Không chỉ có những ngôi chùa cổ kính, nơi đây còn là di tích lịch sử cách mạng. Tại bến sông Tứ Tổng xưa tối 17/2/1947 đã ghi lại chiến công to lớn của quân và dân ta cùng con thuyền tam bản đã đưa hơn 1.200 cán bộ, chiến sỹ Trung đoàn Thủ đô cùng vũ khí, trang thiết bị vượt khỏi vòng vây quân thù qua sông Hồng, góp phần làm nên sự kiện lịch sử "Cuộc rút quân thần kỳ", làm nên thắng lợi của cách mạng sau này. Để tưởng nhớ và ghi công sự kiện lịch sử vô cùng quý giá này, UBND TP Hà Nội đã ký Quyết định số 5182/QĐ-UBND ngày 9/10/2014 về việc tổ chức gắn biển lưu niệm cách mạng kháng chiến tại "Bến đò Tứ Tổng".

* Học sinh tìm hiểu

1. Hãy kể tên một ngôi đình hoặc chùa ở phường mình và đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu đôi nét về ngôi đình hoặc chùa đó?

2. Là một công dân phường Tứ Liên em sẽ làm gì để góp phần giữ gìn di tích lịch sử địa phương?

3. Em hãy đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về thương hiệu quất cảnh Tứ Liên.

BÀI 9 LỊCH SỬ PHƯỜNG YÊN PHỤ

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Phường Yên Phụ trước đây là làng Yên Phụ. Làng Yên Phụ tên gốc là Yên Hoa, vốn là một bộ phận hợp thành phường Yên Hoa thuộc huyện Quảng Đức, kinh đô Thăng Long thời Lê. Đầu thế kỷ XIX, làng thuộc tổng Thượng, huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức; đến năm Minh Mạng thứ 12 (1831) thuộc tỉnh Hà Nội. Năm đầu đời vua Thiệu Trị (1841), vì kỵ huý bà Hồ Thị Hoa (mẹ vua) nên làng phải đổi tên thành Yên Phụ.

Trở lại nguồn gốc lịch sử, mùa thu năm 1010, Lý Công Uẩn định đô ở Đại La, đổi tên là Thăng Long, sau đó nhà vua cho xây Hoàng Thành. Làng Yên Hoa giáp với Hoàng Thành có nghề chài lưới, trở thành phường Yên Hoa, một trong 61 phường của kinh thành Thăng Long. Đến thời Lê, Yên Hoa vẫn là một trong 36 phường của kinh thành Thăng Long. Đầu thời Nguyễn, phường thuộc tổng Thượng, huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội. Năm 1841 vào đời vua Thiệu Trị, địa danh Yên Hoa đổi thành Yên Phụ.

Đến thời Pháp thuộc, những năm 1915 đến 1942, Yên Phụ thuộc tổng Thượng huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông. Cách mạng tháng Tám thành công, từ tháng 5 năm 1946, làng và phố Yên Phụ thuộc khu Lãng Bạc, bãi An Dương thuộc khu Hồng Hà. Khi Hà Nội bị thực dân Pháp chiếm đóng, làng và phố Yên Phụ vùng đất bãi An Dương thuộc quận 4 (theo sự phân chia địa giới của Uỷ ban kháng chiến Hà Nội), đồng thời cũng thuộc quận Quảng Bá ngoại thành (theo sự phân chia địa giới chính quyền của thực dân Pháp và tay sai).

Từ sau ngày thủ đô được giải phóng, Yên Phụ và An Dương thuộc quận 5; năm 1961 là khối 1, 2, 3, 4, 5 và 37 thuộc khu Ba Đình, sau đó là tiểu khu Yên Phụ và tiểu khu An Dương vẫn thuộc khu Ba Đình. Từ năm 1981, hai tiểu khu sát nhập lại thành phường Yên Phụ thuộc quận Ba Đình.

Ngày 25/12/1995, quận Tây Hồ được thành lập, trong đó có 3 phường của quận Ba Đình cắt sang Tây Hồ là phường Bưởi, phường Thụy Khuê và phường Yên Phụ.

II. YÊN PHỤ VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

1. Vị trí địa lý

Phường Yên Phụ nằm ở phía nam quận Tây Hồ và là một trong tám phường nằm ven Hồ Tây - danh thắng nổi tiếng của đất nước. Một bên là sông Hồng

mênh mông và một bên là Hồ Tây bốn mùa nước biếc mờ sương. Địa giới của Yên Phụ: Phía bắc giáp phường Nghi Tàm (phường Quảng An) và Tứ Tổng (phường Tứ Liên); Phía nam giáp phường Trúc Bạch và phường Phúc Xá (quận Ba Đình) phía đông giáp sông Hồng; phía tây giáp Hồ Tây.

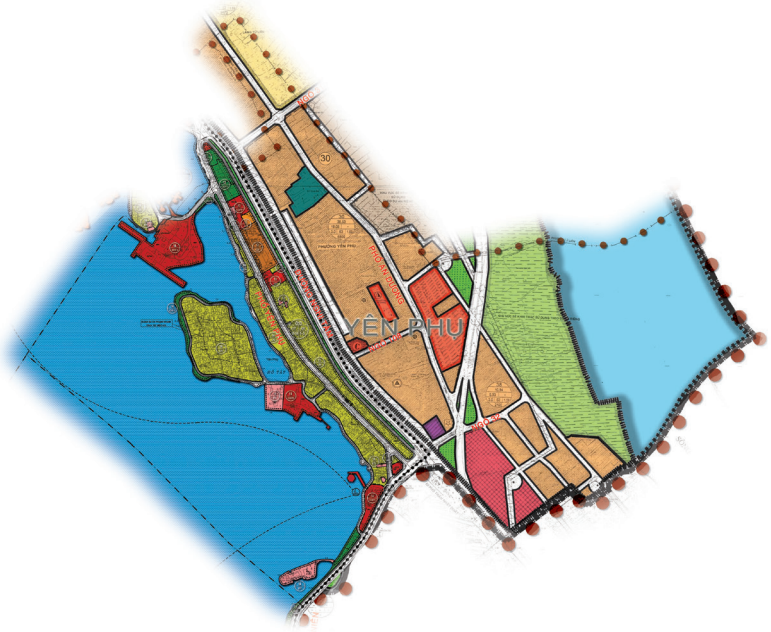

Bản đồ hành chính phường Yên Phụ

2. Dân cư

Cư dân Yên Phụ gồm số ít người Cơ Xá gốc, mà người từ Đanh Xuyên (huyện Phú Xuyên), Sấu, Giá (nay là Huyện Hoài Đức) từ đầu thế kỉ đến giữa thế kỉ XX đến đây sinh cơ lập nghiệp làm các nghề lao động, phu phen, tạp dịch, trồng rau, hoa màu để sinh sống. Ở An Dương còn có trại hát xẩm do những người hát xẩm ở các phố về An Dương sinh sống buổi tối, lâu dần cư dân đông lên thành trại.

Quá trình đô thị hóa từ khi Pháp vào Hà Nội, xây dựng thành phố cũng là quá trình Yên Phụ biến đổi, cư dân có đầy đủ các thành phần: vạn chài, nông dân, thợ thủ công, người lao động làm nghề tự do, học sinh, công chức nhỏ… cùng song song tồn tại với các chức làng xóm cho đến khi Hà Nội thoát khỏi ách cai trị của Pháp.

Từ 1954 đến nay Yên Phụ không ngừng thay da đổi thịt, mật độ dân cư cao nhất quận; xóm làng trại thành tiểu khu rồi thành phường. Tổng diện tích của phường Yên Phụ hiện nay là 1,5 triệu km^2. Dân số tại phường tính đến năm 2022 là 23.300 nhân khẩu với 6.318 hộ dân sinh sống tại 14 tổ dân phố.

3. Kinh tế - xã hội

Yên Phụ vùng đất ven sông một phần là đất nông nghiệp, đất bãi, sông hồ rất màu mỡ thuận lợi sản xuất nông nghiệp. Trước thời kì đổi mới, nền kinh tế đất nước bước vào khủng hoảng Yên Phụ chịu tác động bởi những khó khăn thách thức. Thực hiện nghị quyết Đảng bộ lần thứ nhất nhằm giải quyết khó khăn, nhiều hợp tác xã mua bán của phường được thành lập, ngoài làm đại lý cho thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã cũng tích cực khai thác, bổ sung nguồn hàng phục vụ nhân dân. Bên cạnh đó, nhờ sự khuyến khích, giúp đỡ của chính quyền địa phương nhiều ngành nghề mới được mở ra như làm gạch men, đậu phụ…. Kinh tế hộ gia đình được đẩy mạnh bằng nhiều biện pháp để ổn định đời sống. Hệ thống đường sá cũng được sửa sang, cống rãnh thoát nước cũng được tu bổ.

Trong thời kỳ thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ và nhân dân Yên Phụ đã xác định kế hoạch phát triển, xây dựng đường lối và thực hiện đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa địa bàn. Phát huy tinh thần chủ động sáng tạo,Yên Phụ đã tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kinh tế hàng hóa nhiều thành phần được mở rộng và phát triển, hoạt động sản xuất, kinh doanh đi vào nề nếp.

Trụ sở UBND phường Yên Phụ

Sự nghiệp văn hoá phát triển toàn diện, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, chất lượng cuộc sống của nhân dân được cải thiện nâng lên. Cả hệ thống chính trị tập trung thực hiện các tiêu chí xây dựng phường văn hóa gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Quan tâm đầu tư, sửa chữa, nâng cấp Trung tâm Văn hóa Thể thao phường và 14/14 Nhà sinh hoạt KDC, 6 sân chơi, 5 điểm đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời phục vụ nhân dân luyện tập, phong trào thể dục thể thao tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh được thực hiện hiệu quả. Duy trì phường đạt chuẩn quốc gia về y tế. Hệ thống trường công lập được xây dựng đạt chuẩn Quốc gia (trường Mầm non An Dương; trường THCS An Dương đạt chuẩn mức độ I; trường Tiểu học An Dương đạt chuẩn mức độ II). Phường luôn thực hiện tốt phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", thường xuyên động viên, thăm hỏi, tặng quà vào các dịp lễ, tết và các ngày kỷ niệm lớn.

Công tác quốc phòng, an ninh cũng được củng cố và tăng cường. Lực lượng công an phường phối hợp chặt chẽ với lực lượng bảo vệ, dân phòng tăng cường tuần tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý kịp thời tội phạm. Tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao cảnh giác đấu tranh với âm mưu của các thế lực thù địch.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ phường, nhân dân Yên Phụ đã vượt qua những khó khăn và từng bước xây dựng duy trì nền kinh tế tăng trưởng, văn hóa xã hội ngày càng phát triển đi lên.

Trường THCS An Dương

Trường Tiểu học An Dương

III. DẤU ẤN LỊCH SỬ - VĂN HOÁ

Trong quá trình hình thành và phát triển, nhân dân Yên Phụ trải qua nhiều khó khăn, thăng trầm để xây dựng cuộc sống, quê hương. Người Yên Phụ để lại những dấu ấn lịch sử - văn hóa tiêu biểu trong đó có chùa Trấn Quốc, đình làng Yên Phụ… đây là những di tích lịch sử nổi tiếng không chỉ nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân nơi đây mà còn góp phần xây dựng nền văn hiến Thăng Long - Hà Nội.

1. Các di tích văn hoá

a. Chùa Trấn Quốc

Chùa Trấn Quốc ban đầu có tên là chùa Khai Quốc, xây dựng vào năm 541 thuộc thời Tiền Lý. Lúc đó, chùa nằm gần bờ sông Hồng bởi vậy khi đê sạt lở vào năm 1615 (đời vua Lê Trung Hưng), chùa được di dời vào phía trong đê Yên Phụ khu gò đất Kim Ngưu. Sau đó, trong khoảng thế kỉ 17, chúa Trịnh cho đắp đê Cố Ngự (nay là đường Thanh Niên) để nối với đảo Kim Ngưu. Chùa đổi tên thành chùa Trấn Quốc vào đời vua Lê Hy Tông (1681 – 1705) với ý nghĩa mong muốn đây sẽ là nơi giúp dân xua đi thiên tai, đem lại cuộc sống bình yên cho toàn dân. Và cái tên đó được sử dụng cho tới tận ngày nay. Kiến trúc chùa Trấn Quốc thể hiện tính thẩm mỹ của kiến trúc phương Đông, gắn bó cảnh quan trời – nước xung quanh. Chùa Trấn Quốc ngày nay không chỉ nổi tiếng là chốn cửa Phật linh thiêng, thu hút rất nhiều tín đồ phật tử đến hành lễ mà còn là điểm thu hút khách tham quan, du lịch trong và ngoài nước khi đến Hà Nội.

b. Đình làng Yên Phụ

Đình Yên Phụ nằm ở trung tâm của làng Yên Phụ, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội. Đình được xây dựng vào khoảng thời gian nửa cuối thế kỷ XVII.

Đình Yên Phụ thờ ba vị Thành hoàng, vốn là ba anh em: Uy Linh Lang Đại Vương, Vương Duy Đại Vương, Vương Ba Đại Vương.

Theo truyền thuyết và sách "Tây Hồ chí" và thần phả lưu giữ ở đình, Uy Linh Lang là con trai của hoàng hậu Minh Đức, dưới thời Trần Thánh Tông (trị vì từ 1258 - 1278). Ông là người thông minh lanh lợi khác người. Ở tuổi 18, ông ham mê đạo Phật, xin phép vua cha cho xuất gia nhưng không được chấp thuận. Khi tròn 20 tuổi, quân Nguyên Mông kéo sang xâm lược nước Đại Việt lần thứ ba. Căm thù giặc, người người đều trích vào cánh tay hai chữ "Sát thát" tỏ ý chí giết giặc cứu nước. Trước tình thế đó, Uy Linh Lang nói: "Làm trai sinh ra giữa trời đất, nếu không dẹp giặc cứu đời thì sao có tên lưu lại trong sử sách". Rồi ông viết bài biểu dâng lên vua xin được cầm quân đánh giặc. Nhà vua chuẩn y, Uy Ling Lang dựng cờ chiêu mộ binh sĩ, chỉ có vài ngày mà quân ứng mộ lên tới hàng vạn người. Uy Linh Lang tự đứng ra luyện tập quân sĩ, đội ngũ chỉnh tề, binh pháp thành thục, tự xưng là: "Thiên tử quân", tiến đánh quân Nguyên ở Bàn Than. Quân giặc thua to, quân ta thừa thắng đuổi chúng lên phía bắc, đánh chúng ở sông Đông Mai, hội với quân của Trần Nhật Duật, Trần Hưng Đạo ở Vạn Kiếp, đánh ở Mạn Trù, Đông Kết… Một ngày đánh tám trận, thắng cả tám, chém đầu ba vạn quân giặc, bắt sống tướng giặc là Ô Mã Nhi và rất nhiều quân lính. Từ đấy về sau quân Nguyên không dám đem quân sang xâm lược nước ta. Đất nước thái bình thịnh trị.

Do có công lao to lớn trong việc đánh giặc, nên Uy Linh Lang được vua phong là Dâm Đàm Đại Vương. Đại Vương không màng chức tước nên lại đến tu thiền ở chùa Ngọc Hồ.

Giờ Ngọ ngày 8 tháng 8 năm Bính Tý, Đại Vương không bệnh mà hóa.

Vua cho xây đền thờ Đại Vương ở Nhật Chiêu và các nơi khác như Yên Hoa (Yên Phụ)…

Từ đấy về sau Đại Vương luôn hiển hóa giúp dân, giúp nước.

Đình làng Yên Phụ

Kiến trúc: Đình xây dựng theo kiểu cổ, độc đáo với lối nhà dọc, mặt đình quay về hướng Bắc. Ngôi đình trải dài theo thế đất tạo nên chiều sâu cần thiết và vẻ thâm nghiêm, tao nhã của một di tích tín ngưỡng truyền thống. Cổng đình được xây theo kiểu tứ trụ. Qua cổng, là sân đình khá rộng, hai bên hai dãy nhà dải vũ, tiếp đến là đại đình được xây theo kiểu chữ đinh. Đình có năm gian đại đình và năm gian hậu cung. Đình làm theo lối nhà dọc nên cũng thờ dọc.

Trong đình còn giữ được chiếc kiệu sơn son thếp vàng lộng lẫy, cổ kính, đặc biệt tấm bia khắc thời Lê Gia Tông (1672 - 1675) ghi rõ đình thờ Thành Hoàng là Uy Linh Lang và hai em gọi là Vương Đôi, Vương Ba, đình còn giữ được khá nhiều văn bia thời Lê. Trong số đó có 3 tấm bia lớn dựng ngoài sân. Hai tấm bia hai mặt, một tấm bia bốn mặt ghi lịch sử, công trạng và những người có công với đình.

Đình Yên Phụ không chỉ là một công trình nghệ thuật, có kiến trúc độc đáo của Thủ đô mà còn là nơi giáo dục truyền thống và tinh thần yêu nước. Đình được Bộ văn hoá (nay là Bộ Văn hoá thông tin, thể thao và du lịch) xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia tại quyết định số 15/VH-QĐ ngày 27/01/1986.

2. Nghề nuôi cá cảnh, làm hương

Yên Phụ nằm ven Hồ Tây, tiếp giáp với sông Hồng, lại là một phường của Kinh đô Thăng Long, nên từ xa xưa dân làng sống bằng nghề đánh cá để sinh sống và nuôi cá cảnh. Hiện nay nghề nuôi cá cảnh ở Yên Phụ mai một và dần chuyển sang dịch vụ thương mại hóa.

Nghề làm hương có ở Yên Phụ giữa thế kỉ XIII. Người Trung Hoa đưa nghề làm hương đến Yên Phụ và phát triển ra Nghi Tàm. Từ đó đến thế kỉ XX, hương Yên Phụ nổi tiếng bởi mùi hương trầm. Tuy có lúc bị trồi sụt do tác động của cơ chế thị trường, đến nay Yên Phụ cũng không còn làng nghề.

3. Danh nhân

Mảnh đất Yên Phụ cũng là nơi hội tụ anh tài. Thế kỷ XVI, Yên Phụ có ông Bùi Thế Vinh sinh năm 1554, nguyên quán ở Đan Loan, huyện Đường An, nay là xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, Hải Dương. Năm 26 tuổi, ông đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sỹ xuất thân khoa Canh Thìn, niên hiệu Diệu Thành, đời Mạc Mậu Hợp (1580), làm quan đến chức Tự Khanh.

Thế kỷ XIX, đời vua Minh Mạng thứ XII (1831), họ Ngô ở Yên Phụ có ông Ngô Đăng Điền, đỗ Cử nhân. Ông bỏ đường quan lộ, theo ngọn cờ của các văn thân sỹ phu chống Pháp xâm lược. Thời Pháp thuộc, làng có ông Ngô Đăng Đậu, đỗ Tú tài, trường Hậu bổ (trường chuyên đào tạo quan lại cho bộ máy hành chính Pháp và tay sai). Ông được bổ đi làm tri huyện ở huyện Gia Bình, Bắc Ninh.

***Em có biết?**

Chùa Trấn Quốc thờ ai? Chùa Trấn Quốc theo hệ phái Bắc Tông, bên trong điện thờ các phật A Di Đà, Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật Quan Âm Bồ Tát. Hiện nay, chùa còn lưu giữ nhiều pho tượng Phật và Bồ Tát có giá trị lớn được đặt chủ yếu ở Thượng điện. Trong đó nổi bật nhất là bức tượng Phật Thích Ca nhập Niết bàn được làm từ gỗ, sơn son thếp vàng, là bức tượng Niết bàn đẹp ở Việt Nam.

*** Kết nối với hiện tại**

Hàng năm hội đình Yên phụ được tổ chức vào ngày 10 tháng 2 âm lịch. Từ ngày 9/2 dân làng làm lễ mộc dục (tắm tượng), là tổ chức rước kiệu từ đình sang chùa Trấn Quốc lấy nước thanh tịnh về đình để tắm tượng. Ngày xưa rước kiệu đi lấy nước theo con đường mòn nhỏ, hai bên là nước, đoàn kiệu đi giống như chìm trong sóng nước. Ngày nay đoàn kiệu đi trên con đường rộng rãi thênh thang tám thước, vượt dốc phố Yên Phụ qua đường Thanh Niên tới chùa Trấn Quốc. Sau khi lấy nước thanh tịnh từ chùa Trấn Quốc rước về, hội tổ chức lễ bái ban mộc dục. Ngoài sân đình tưng bừng nhịp trống lễ hội với cảnh hát chèo, đánh cờ người, chọi gà, chọi chim...

*** Học sinh tìm hiểu**

1. Em hãy đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu khái quát về phường Yên Phụ nơi em ở?

2. Hãy kể tên một số di tích lịch sử nơi em sinh sống. Em làm gì để giữ gìn và phát huy giá trị của các di tích lịch sử đó?

BÀI 10 LỊCH SỬ PHƯỜNG THỤY KHUÊ

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Quá trình hình thành, phát triển của Thụy Khuê gắn liền với quá trình hình thành phát triển của Thăng Long - Hà Nội.

Mảnh đất Thụy Chương xưa, từ khi có thành Đại La (tiền Thăng Long) đã nằm trên vùng đất mà một bên là Hồ Tây mênh mông, một bên là sông Tô Lịch.

Phường Thụy Chương xưa đã xuất hiện từ thời Lý - Trần, là một trong 61 phường của Thăng Long cùng thời với các phường ven Hồ Tây như phường Yên Hoa, Nghi Tàm, Tây Hồ, Quảng An, Võng Thị, Yên Thái….

Thời Lê, từ đời vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) Triều đình chia đơn vị hành chính cả nước thành 13 đạo, kinh đô Thăng Long được gọi là phủ Trung Đô, năm 1469 đổi là phủ Phụng Thiên gồm 36 phường. Phường Thụy Chương thuộc Tổng Trung huyện Quảng Đức.

Thời Nguyễn phủ Phụng Thiên đổi thành phủ Hoài Đức, huyện Quảng Đức đổi thành huyện Vĩnh Thuận, phường Thụy Chương thuộc tổng Trung, huyện Vĩnh Thuận.

Đến thời vua Thiệu Trị (1841 - 1847), vì kiêng miếu hiệu của nhà vua " Chương Hoàng đế" nên đổi tên Thụy Chương thành Thụy Khuê vào năm 1848. Từ đó đến nay cái tên Thụy Khuê trở nên quen thuộc trong tâm thức của người dân Hà Nội.

Thời Pháp thuộc, Thụy Khuê là vùng ngoại thành Hà Nội, bị đô thị hóa và biến đổi theo xu hướng của xã hội thuộc địa, nửa phong kiến.

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa ra đời, Hà Nội chia thành 17 khu nội thành và 5 khu ngoại thành, Thụy Khuê nhập về khu Trúc Bạch thuộc nội thành.

Từ năm 1948 đến năm 1954 Hà Nội chia thành 5 quận (Cầu Giấy, Quảng Bá, Ngã Tư Sở, Quỳnh Lôi, Văn Điển) Thụy Khuê trong thời kì này thuộc quận Quảng Bá.

Năm 1961 thành phố được mở rộng lần thứ nhất và chia lại địa giới hành chính gồm bốn khu phố nội thành và bốn huyện ngoại thành, các khối phố trên địa bàn Thụy Khuê thuộc khu phố Ba Đình. Năm 1980 hai tiểu khu Thụy Khuê và Thụy Chương gộp lại thành phường Thụy Khuê thuộc quận Ba Đình.

Phường Thụy Khuê được tách ra từ quận Ba Đình và chuyển về quận Tây Hồ từ ngày 27/12/1995.

II. THỤY KHUÊ - VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

1. Vị trí địa lý

Phường Thụy Khuê là một trong tám phường thuộc quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, với diện tích 2,03 km^2. Tổng diện tích tự nhiên của phường là 229,15 ha. Phường nằm ở phía Tây Bắc Thành phố; phía đông giáp phường Quán Thánh, quận Ba Đình; phía Tây giáp phường Bưởi; phía Bắc giáp Hồ Tây; phía nam giáp phường Ngọc Hà, phường Liễu Giai và phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình. Phường gồm 04 tuyến đường chính: Đường Thụy Khuê, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Đình Thi, Trích Sài.

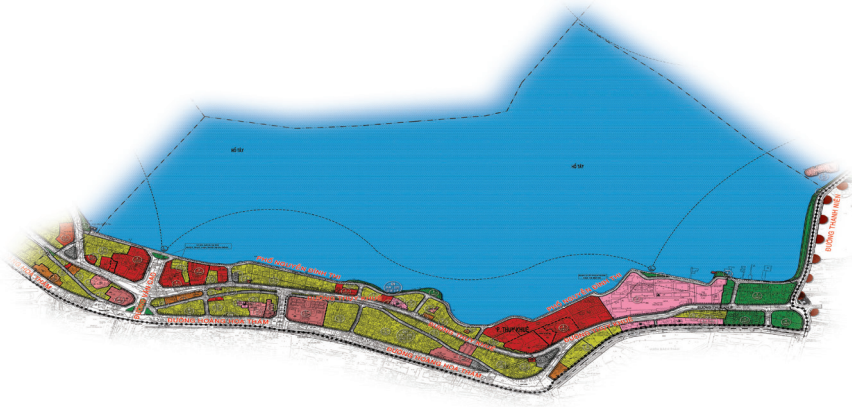

2. Dân cư

Nhân dân Thụy Khuê có truyền thống cần cù, chăm chỉ lao động, sản xuất, xây dựng quê hương.

Hiện nay, địa bàn phường được chia làm 13 tổ dân phố, 13 chi bộ với 1028 đảng viên, tổng số 4376 hộ gia đình với 16.000 người.

3. Kinh tế - xã hội

a. Trước cách mạng tháng Tám

Theo bảng thống kê ruộng đất, so với đất của các phường cùng ở tổng Trung thì ruộng đất của Thụy Khuê đứng đầu trong 7 phường với tổng số công tư điền thổ của phường là 99.9.14.00 (99 mẫu, 9 sào, 14 thước). Nhân dân sống gần Hoàng thành Thăng Long nên lao động sản xuất không chỉ để xây dựng quê hương mà còn để phục vụ quan quân của Hoàng thành và nhu cầu sinh hoạt của dân kinh thành vì vậy từ xưa Thụy Chương đã nổi tiếng với nghề nấu rượu. Rượu được nấu với men đặc biệt để tiến vua. Rượu Thụy Chương đã đi vào bài thơ Thụy phường liên tửu của Hương cống Đoàn Nguyễn Tuấn trong đó có câu thơ:

Trời đất Hồ Tây ở giáp bên
Ngon thay rượu Thụy, rượu nàng tiên.

Trạng Quỳnh đến Thụy Chương nhìn thấy tượng Phật say tức cảnh đọc bốn câu thơ:

Ông đứng làm chi, đứng mãi đây
Dập dềnh như tỉnh lại như say
Vãi nào đã chuốc cho ông rượu
Còn có cho vay một nậm đầy.

Ngoài nấu rượu dân Thụy Chương còn làm nghề đánh bắt cá và trồng rau ở ven sông Tô Lịch, làm hàng xáo, nấu xôi chè, đậu phụ….

Từ khi thực dân Pháp thiết lập bộ máy cai trị và bóc lột Bắc Kỳ, kinh tế, văn hóa, xã hội của Hà Nội cũng như của Thụy Khuê có sự biến đổi. Thực dân Pháp đã xây dựng ở phường Thụy Khuê trụ sở các công ty để kinh doanh như Công ty Tàu điện Bắc Kỳ thành lập năm 1899 tại số 67 Thụy Khuê, nhà máy da Thụy Khuê từ năm 1913 nay là số nhà 151 Thụy Khuê, Nhà máy bia Ômen được xây dựng từ năm 1892… Đến cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX Thụy Khuê trở thành một vùng ven của đô thị Hà Nội, xã hội có sự phân hóa thành nhiều tầng lớp khác nhau công nhân và phu, thợ đi làm trong các nhà máy, công ty của tư bản Pháp, số người làm nghề nấu rượu, làm nông nghiệp ít dần ngoài ra Thụy Khuê có thêm tầng lớp thị dân, người lao động dịch vụ, phục vụ ở thị thành.

b. Sau Cách mạng tháng Tám

Sau Cách mạng tháng Tám thắng lợi, chính quyền đã thuộc về nhân dân nhưng chính quyền non trẻ vừa mới thành lập đã phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách. Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Thụy Khuê ra sức thi đua chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, từng bước xây dựng chế độ dân chủ nhân dân. Chính quyền và nhân dân Thụy Khuê đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm cải thiện đời sống cho nhân dân như bãi bỏ các thứ thuế vô lý hoặc xóa những món nợ từ trước để lại, động viên nhân dân tham gia phong trào tăng gia sản xuất, "Tấc đất, tấc vàng", trồng rau, hoa màu ngắn ngày, thực hành "Hũ gạo cứu đói" ở mỗi gia đình. Chính quyền vận động nhân dân tham gia "Tuần lễ vàng", "Quỹ độc lập" được đông đảo nhân dân địa phương tham gia hưởng ứng.

Sau giải phóng Thủ đô Thụy Khuê cùng cả nước bước vào thời kì phục hồi kinh tế sau chiến tranh.

Trong hơn 8 năm Hà Nội bị địch chiếm đóng, đời sống kinh tế của nhân dân Hà Nội nói chung và nhân dân Thụy Khuê nói riêng rất nghèo nàn, lạc hậu, khó khăn. Nhiều gia đình được sum họp, đoàn tụ, không khí hân hoan vui mừng sau ngày giải phóng nhưng bên cạnh đó phần lớn nhà cửa bị giặc Pháp tàn phá, đất đai bỏ hoang, công cụ sản xuất thiếu thốn, lạc hậu, nhiều gia đình không đủ lương thực để đảm bảo cuộc sống hàng ngày. Nhân dân Thụy Khuê dưới sự lãnh

đạo của Đảng bộ phường đã nhanh chóng giúp nhau ổn định đời sống, những người đi tản cư về được bố trí công việc, các hoạt động chợ búa, cung cấp lương thực và các mặt hàng thiết yếu được phục hồi trở lại.

Mười năm sau ngày giải phóng thủ đô đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội Thụy Khuê ngày một phát triển, những kết quả đạt được là nền tảng vững chắc để cán bộ, đảng viên và nhân dân Thụy Khuê bước vào giai đoạn mới, vừa sản xuất vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của giặc Mĩ, xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong suốt 21 năm cùng cả nước thực hiện cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, dưới sự lãnh đạo của Thành ủy và Đảng bộ khu Ba Đình, nhân dân Thụy Khuê đã vượt qua khó khăn, thực hiện tốt nhiệm vụ vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu, làm tròn trách nhiệm của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đi đến thắng lợi.

Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã hoàn thành trong phạm vi cả nước, đất nước bước vào thời kì quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ngày 25/4/1976 cùng với cử tri cả nước, cử tri Thụy Khuê phấn khởi tham gia cuộc bầu cử Quốc hội khóa VI, Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất. Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng ủy khu Ba Đình, chi bộ Đảng, Ban đại diện hành chính Tiểu khu Thụy Khuê đã kịp thời đề ra những biện pháp chỉ đạo sát hợp với tình hình thực tiễn nhằm giảm bớt khó khăn, khắc phục tình trạng thiếu nguyên liệu sản xuất, huy động các lực lượng giúp đỡ nhân dân dựng lại nhà cửa, ổn định nơi ăn, chốn ở, duy trì sản xuất. Hạ tầng cơ sở đô thị từng bước được đầu tư xây dựng, an ninh trật tự được giữ vững, tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức phường được củng cố, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Với những thành tích xuất sắc, phường Thụy Khuê vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba.

Chuyển về địa bàn quận Tây Hồ cũng là lúc cả nước bước vào thời kỳ thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phường Thụy Khuê dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận Tây Hồ, đạt được những thành tựu nhất định về kinh tế - xã hội. Tháng 8/1996 Đại hội Đảng bộ quận Tây Hồ lần thứ nhất đề ra phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu của quận trong những năm 1996 - 2000 là: từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng "Dịch vụ - du lịch - thương mại - nông nghiệp - công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp". Tình hình kinh tế chính trị ở Thụy Khuê cũng có nhiều thay đổi.

Địa bàn phường Thụy Khuê diễn ra quá trình đô thị hóa nhanh, việc liên doanh liên kết với công ty nước ngoài ngày càng được mở rộng. Cấp ủy và chính quyền phường khuyến khích các hộ sản xuất, kinh doanh dịch vụ theo khả năng. Phát triển kinh tế theo hướng dịch vụ, chất lượng, tạo môi trường thuận lợi để

các loại hình kinh tế phát triển rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh đúng pháp luật, nhằm thu hút lao động tại chỗ. Quan tâm tạo điều kiện để các hộ gia đình vay vốn từ các nguồn để phát triển sản xuất, kinh doanh.

Nhằm phát triển cảnh quan đô thị ngày càng khang trang sạch đẹp, phường đã thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình, dự án trọng điểm của thành phố: Dự án xây dựng trường chất lượng cao Chu Văn An, kè Hồ Tây, dự án liên doanh Việt Hà, dự án chợ Tam Đa, mở rộng vườn hoa Lý Tự Trọng…

III. DẤU ẤN LỊCH SỬ - VĂN HÓA

Trải qua quá trình lịch sử, Thụy Chương - Thụy Khuê chứa đựng các lớp trầm tích của Đại La - Thăng Long - Hà Nội với các di tích lịch sử, văn hóa đặc sắc như Đình Trên tại số 50 Thụy Khuê, Đình Dưới tại số 130 Thụy Khuê, đền Voi Phục tại số 261 Thụy Khuê, chùa Bà Đanh, chùa Phúc Châu ở ngõ 199 Thụy Khuê, đền Cổ Lê ở số 124 Thụy Khuê, trường THPT Chu Văn An tại số 10 Thụy Khuê.

1. Các di tích lịch sử tiêu biểu

a. Đền Voi Phục - Di tích lịch sử cấp Quốc gia

(Tham khảo Bài 4: Di tích lịch sử - văn hóa)

b. Chùa Châu Lâm

Chùa tọa lạc tại ngõ 199 Thụy Khuê, có tên chữ là Châu Lâm tự. Chùa có niên đại xây dựng sớm từ thời Lê thế kỷ XVIII. Chùa thờ Phật, mẫu cầu phúc cho dân làng. Chùa có quy mô kiến trúc bề thế với nhiều nếp nhà ngang dọc bao quanh. Chùa gồm: Tam quan - sân chùa - chùa chính (tiền đường, thượng điện và hậu cung) các bộ phận kiến trúc của chùa được xây dựng kế tiếp nhau tạo ra sự khép kín cho toàn bộ công trình.

Hiện nay chùa Châu Lâm còn bảo lưu được khối lượng di vật khá phong phú mang giá trị khoa học lịch sử nghệ thuật cao bao gồm: 02 tấm bia đá, trong đó có một tấm bia không tên; 48 pho tượng tròn sơn son thếp vàng thuộc thế kỷ

XVIII, XIX, XX; 02 bức nghi môn sơn son chạm nổi đề tài tứ quí (tùng, cúc, trúc, mai); 02 quả chuông trong đó đáng chú ý là quả chuông "Châu Lâm thiền tự" (Chuông chùa Châu Lâm) có niên đại Chính Hòa thứ 13 (1692); 01 quả chuông nhỏ (nhà mẫu) có niên đại Bảo Đại thứ 2 (1927); 01 khánh đồng "Châu Lâm tự tập Phúc Khánh" có niên đại Minh Mệnh thứ 20 (1839).

Chùa được Thành phố xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa tại Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 03/4/2014.

c. Trường PTTH Chu Văn An

Ngày 9/12/1908, Toàn quyền Đông Dương - Klobakowki đã ra quyết định thành lập Collège du Protectorat (Trường *Thành Chung Bảo hộ*) trên cơ sở sáp nhập ba trường: Trường Thông ngôn Hà Nội, Trường Nam Sư phạm Hà Nội và Trường Jules Ferry Nam Định.

Có thể nói, Trường Bưởi - Chu Văn An là một trường học của chính quyền thực dân mở ra với mục đích đào tạo công chức trung cao cấp người Việt, nhưng khi đó chỉ có trường Bưởi là Lycée dành cho học sinh người Việt. Vì vậy nơi đây đã là cái nôi của lớp trí thức trẻ người Việt. Đây chính là giai đoạn hình thành nên những thế hệ người thày đầu tiên của trường với kiến thức uyên thâm, trở thành những nhà khoa học có học vị cao đầu thế kỉ.

Một lớp thày giáo trường Bưởi như các thày Dương Quảng Hàm, Nguyễn Mạnh Tường, Nguỵ Như Kon-Tum, Nguyễn Văn Huyên, Hoàng Xuân Hãn, Trần Văn Khang, Nguyễn Xiển... đã trở thành những trí thức yêu nước, những nhà hoạt động xã hội, những nhà khoa học nổi tiếng. Từ lòng yêu nước chân chính, các thầy đã hàng ngày khơi gợi lòng tự hào dân tộc và sự say mê học tập trong học trò, tạo nên những lớp học trò thành đạt ở trong và ngoài nước.

Rất nhiều học trò Trường Bưởi đã trở thành những nhà hoạt động cách mạng tên tuổi như Phạm Văn Đồng, Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ, Lê Văn Lương... Không chỉ có học sinh người Việt, Trường Bưởi còn là nơi học tập của một số

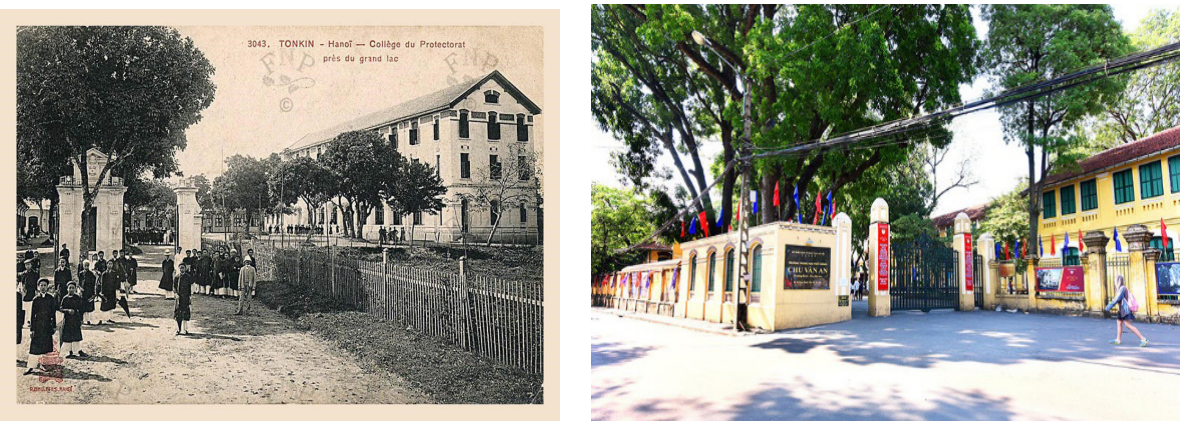

Trường PTTH Chu Văn An xưa và nay

học sinh Lào và Cam-pu-chia trong đó phải kể tới Cay-xỏn Phôm-vi-hẳn, lãnh tụ cấp cao của Cách mạng Lào.

Sau sự kiện Nhật đảo chính Pháp, ngày 12/6/1945, trường được đổi tên thành "Trường Trung học Chu Văn An". Lúc này, do quân Tưởng Giới Thạch chiếm đóng nên cơ sở của trường phải di chuyển về thị xã Hà Đông. Đến đầu năm 1946, trường chuyển về Việt Nam học xá (tức Đông Dương học xá trước đó, nay là Đại học Bách khoa Hà Nội). Vào đầu niên khoá 1946 - 1947, trường lại chuyển trụ sở về Trường Nữ Trung học Pháp, nay là trụ sở Bộ Tư pháp. Chính trong thời gian năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hai lần ghé thăm trường và học sinh trường cũng được Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến, động viên tinh thần "Học cũng là yêu nước".

Đây là giai đoạn mà thầy và trò nhà trường đã tích cực thi đua vừa dạy tốt - học tốt, vừa tham gia sản xuất, lao động xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, văn hoá. Trường đã vinh dự được đón Bác Hồ về thăm nhiều lần. Lần thứ ba vào ngày 8/12/1954, lần thứ tư vào năm 1958. Lần thứ năm Bác đến thăm và nói chuyện với thầy trò nhà trường với lời dặn dò:

Các thầy dạy bảo tốt,
Các cháu học tập tốt,
Mọi người lao động tốt,
Cả trường đoàn kết tốt.

Ngày 17 tháng 2 năm 1995, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ra quyết định xây dựng Trường Chu Văn An trở thành một trong 3 trường trung học phổ thông trọng điểm của Việt Nam cùng với Trường Quốc học Huế và Trường chuyên Lê Hồng Phong Thành phố Hồ Chí Minh. Trường THPT Chu Văn An bước sang một giai đoạn mới, giai đoạn đầu tư cơ sở mạnh mẽ cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, xây dựng trường thành ngôi trường THPT chất lượng cao.

Hiện nay, Chu Văn An là một trường trung học phổ thông có cơ sở vật chất hàng đầu của Hà Nội, pha trộn giữa nét cổ kính kiểu Pháp đã 114 năm tuổi với công trình mới được xây dựng trong thời gian gần hơn đây nằm trong dự án xây dựng trường điểm quốc gia của Chính phủ.

Năm học 2017 - 2018 là năm học đầu tiên Chương trình đào tạo song bằng tú tài THPT Quốc gia Việt Nam và tú tài Anh Quốc (Chứng chỉ A-level) tại Trường THPT Chu Văn An mở ra một thời kỳ mới hướng đến Trường THPT Chu Văn An trở thành trường thành viên của Hệ thống giáo dục Cambridge. Đây là mô hình đào tạo mới lần đầu tiên được thực hiện ở một trường THPT công lập tại Việt Nam.

Vào ngày 05/09/2019 Hội đồng khảo thí Cambridge đã công bố chứng nhận ID trường thành viên Cambridge cho Trường THPT Chu văn An mã số trường VN 283. Đồng thời, nhà trường được công nhận là trường có chất lượng đào tạo song ngữ Tiếng Pháp xuất sắc trên toàn cầu.

Cùng với truyền thống đầy tự hào với 114 năm của nhà trường, các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể của nhà trường đã đạt được nhiều thành tích nổi bật, trở thành một trong những cơ sở giáo dục tiêu biểu của Thủ đô và đất nước.

Với hành trang là một truyền thống đầy tự hào, với những trọng trách rất lớn từ thực tại, các thế hệ thày trò Trường Chu Văn An thời kì đổi mới đang tiếp tục viết tiếp những trang sử vẻ vang của trường, làm đẹp thêm truyền thống "Yêu nước, cách mạng, dạy tốt, học giỏi", xứng đáng là một trong những cái nôi "đào tạo nhân tài" cho đất nước.

Với những kết quả đã đạt được, thầy và trò nhà trường vinh dự được Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu cao quý: Huân chương lao động hạng Ba (1968), hạng Nhì (1992); Huân chương độc lập hạng Nhất (1998), hạng Ba (2018); Cờ thi đua của Chính phủ năm 2012; Anh hùng thời kỳ đổi mới năm 2010; Di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia năm 2004.

2. Các danh nhân văn hóa

Là một phường cổ của kinh thành Thăng Long, Thụy Khuê tự hào có ông Lâm Đoạn đỗ Tam giáp đồng *tiến sĩ khoa thi năm 1502;* cử nhân Phan Kế Bính - danh nhân văn hóa đầu thế kỉ XX.

Ông Phan Kế Bính hiệu Bưu Văn (1875 - 1921): danh nhân văn hóa nổi tiếng đầu thế kỉ XX. Ông sinh ra trong gia đình có truyền thống khoa cử ở Ngọc Hà Lâm, làng Thụy Khuê, tổng Trung, huyện Vĩnh Thuận nay thuộc phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội. Năm 18 tuổi, ông đỗ Tú tài và đỗ Cử nhân Hán học khoa Bính Ngọ (năm 1906) nhưng không ra làm quan mà ở nhà mở trường dạy học và tham gia phong trào Đông Kinh nghĩa thục

Phan Kế Bính đặc biệt nổi tiếng với cuốn "Việt Nam phong tục", công trình nghiên cứu một cách công phu những phong tục, tập quán từ bao đời nay của dân tộc. Để ghi nhớ và tri ân những đóng góp của ông cho văn hóa Thăng Long - Hà Nội cũng như cho văn hóa đất nước, ngày 29/5/2005 tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam đã tổ chức lễ tưởng niệm 130 năm ngày sinh và 85 năm ngày mất của ông và trao tượng đồng bán thân cho hậu duệ của ông để thờ tự.

*** Em có biết** *Thụy Khuê - vùng đất yêu nước cách mạng*

Lòng yêu nước luôn được nuôi dưỡng trong mỗi lòng người dân làng Thuỵ Chương - Thụy Khuê.

Vào thế kỉ VIII, nhân dân Thụy Chương theo cờ hiệu của Phùng Hưng từ nơi tập kết ở Quảng Bá tấn công thành Tống Bình, đập tan ách đô hộ của nhà Đường.

Thế kỉ XV, nhân dân Thụy Chương đã cùng nhân dân các phường lân cận đắp lũy đất tạo thành vòng vây hãm thành Đông Quan không cho giặc Minh ra ngoài cướp bóc.

Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhân dân Thụy Khuê sát cánh cùng nhân dân Hà Nội 2 lần đánh thực dân Pháp xâm lược ở Cửa Bắc (năm 1783 và 1882).

Đến những năm 20 của thế kỉ XX, nhân dân Thụy Khuê và phường Bưởi đã tham gia cuộc đấu tranh đòi ân xá nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu(năm 1925) và để tang Phan Châu Trinh (năm 1926).

Hòa chung với khí thế sôi nổi của cách mạng tháng 8/1945, nhân dân Thụy Khuê nhất là những công nhân làm việc trong nhà máy Da Thụy Khuê, trong Sở xe điện, vườn ươm cây La Pho, hội Phụ nữ cứu quốc làng Thụy Khuê, học sinh trường Bưởi… tích cực tham gia các hoạt động do mặt trận Việt Minh tổ chức để chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, nhân dân Thụy Khuê tích cực tham gia dân quân, du kích, nuôi giấu cán bộ cách mạng, đanh địch ngay giữa lòng địch, bảo vệ quê hương. Nhiều gia đình động viên con cháu nhập ngũ trên khắp các chiến trường đóng góp xương máu cho cuộc kháng chiến của dân tộc. Thụy Khuê có 5 mẹ Việt Nam anh hùng, 42 liệt sĩ đã hi sinh anh dũng trong cuộc kháng chống chống Pháp và 73 liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

*** Kết nối với hiện tại**

Thụy Khuê ngày nay đã mang một tầm vóc mới, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, vừa mang đậm dấu ấn lịch sử của vùng đất Thăng Long - Hà Nội, vừa khang trang, hiện đại với nhiều công trình lớn được xây dựng trên mảnh đất có địa thế đẹp nhìn ra mặt gương Tây Hồ.

Địa bàn phường diễn ra quá trình đô thị hóa nhanh, việc liên doanh, liên kết với các công ty nước ngoài ngày càng được mở rộng.

Khách sạn Somerset

*** Học sinh tìm hiểu**

1. Là học sinh được sống, học tập trên mảnh đất Thụy Khuê, các em sẽ làm gì để gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa, truyền thống của phường?

2. Hãy giới thiệu về một ngôi trường trên địa bàn phường Thụy Khuê mà em yêu thích.

3. Sinh sống và học tập trên địa bàn phường Thụy Khuê, em được biết di tích lịch sử nào? Hãy giới thiệu về di tích đó.

BÀI 11 LỊCH SỬ PHƯỜNG XUÂN LA

Tọa lạc ở vị trí giao thông đắc địa, phong cảnh hữu tình - đó là Xuân La - một trong tám phường của quận Tây Hồ cũng là một trong những địa danh văn hóa - du lịch nổi tiếng của Thăng Long - Hà Nội nghìn năm văn hiến. Lịch sử phường Xuân La là lịch sử của một phường ven đô gắn liền với kinh thành Thăng Long, với những con người cần cù lao động, ham học hỏi, tìm tòi và sáng tạo.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Nằm ở phía tây kinh thành Thăng Long, Xuân La có lịch sử tạo dựng và phát triển lâu đời. Xưa kia làng có tên là động Già La (hay Dà La). Thời thuộc Đường (từ thế kỷ VII đến thế kỷ X), động Dà La nằm bên bến Lâm Ấp ở ven hồ Tây. Động Dà La nằm trên khu đất khá cao nhưng bằng phẳng, có sông Dà La, tức sông Thiên Phù chảy qua. Sông Dà La nối với bãi sông Hồng ở khu vực Nhật Tân, hạ lưu nối với sông Tô Lịch ở Bưởi. Vì vậy, nơi đây thuận tiện cho các hoạt động sản xuất, đánh cá và buôn bán.

Theo sách Việt Điện U - Linh của Lý Tế Xuyên thì thời Bắc thuộc nhà Đường thứ sử Quảng Châu là Lư Hoán (hay còn gọi là Lư Ngư) đã đóng phủ trị ở động Già La. Ông ta cho đổi tên động Già La thành thôn An Viễn, lập ra quán Khai Nguyên (quán Già La). Sau tên làng được gọi theo tên quán, gọi là làng Quán La.

Thế kỉ XV, Quán La bao gồm làng Quán La Xã, làng Quán La Sở, làng Xuân Tảo sở. Đến cuối thời Lê, đầu thời Nguyễn (thế kỉ XVIII), Quán La thuộc tổng Phú Gia, huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây.

Năm 1949-1953, chính quyền kháng chiến bí mật đặt tên là liên xã Xuân La, ngoại thành Hà Nội. Xã Xuân La được thành lập trên cơ sở sáp nhập các làng Quán La xã, Quán La sở, Xuân Tảo sở và Vệ Hồ. Khi thành lập, xã Xuân La thuộc quận Lãng Bạc, sau thuộc huyện Ngoại thành. Sau khi Hà Nội được giải phóng vào năm 1954, xã Xuân La thuộc quận V của ngoại thành Hà Nội. Từ năm 1961, xã Xuân La thuộc huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Năm 1995, xã chuyển thành phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Phường Xuân La bước vào quá trình đô thị hóa nhanh chóng. Diện mạo Xuân La hoàn toàn đổi thay.

II. XUÂN LA VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

1. Vị trí địa lý

Phường Xuân La - quận Tây Hồ nằm cách trung tâm thành phố Hà Nội 8 km về phía tây, phường nằm ở phía tây ven Hồ Tây. Phía bắc Xuân La giáp phường Phú Thượng (quận Tây Hồ); phía nam giáp phường Nghĩa Đô (quận Cầu Giấy) và phường Bưởi (quận Tây Hồ); phía đông giáp Hồ Tây và phường Nhật Tân (quận Tây Hồ); phía tây giáp xã Xuân Đỉnh và xã Cổ Nhuế (huyện Từ Liêm).

Hiện nay, phường Xuân La có các mạng lưới giao thông đi lại thuận tiện, các tuyến đường lớn đi qua địa bàn là đường Lạc Long Quân đi Chèm, cầu Thăng Long, hay đi Cầu Giấy, Ngã Tư Sở; đường Xuân La, đường Nguyễn Hoàng Tôn đi Cầu Thăng Long, sân bay Nội Bài, đi các tỉnh Phú Thọ, Thái Nguyên… Các tuyến ngõ liên thông trong phường cơ bản dựa trên các con đường lát gạch nghiêng trước đây đều đã được bê tông hóa rộng từ 2- 4 m.

2. Dân cư

Phường Xuân La có diện tích tự nhiên hơn 239,36 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 41,43 ha, dân số trên 7.899 hộ dân với 29.500 nhân khẩu sinh sống ở 17 tổ dân phố, có 07 cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, 21 tòa nhà chung cư đã đưa vào sử dụng (số liệu năm 2022).

Trụ sở Đảng ủy - UBND phường Xuân La

3. Kinh tế - xã hội

Những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân phường Xuân La đã triển khai nhiều chủ trương, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng đời sống văn hóa. Xuân La là phường đang trong quá trình đô thị hóa nhanh chóng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: Dịch vụ - Thương nghiệp - Dịch vụ du lịch - Tiểu thủ công nghiệp - Nông nghiệp. Diện mạo của Xuân La hoàn toàn đổi thay, đẹp hơn và khang trang hơn xưa. Nhiều trụ sở của các cơ quan Trung ương, Thành phố và quận đóng trên địa bàn phường. Nhiều dự án khu đô thị hiện đại đã được triển khai thực hiện như Khu đô thị mới Nam Thăng Long (Ciputra), Tây Hồ Tây, Trung tâm thể dục thể thao quận... hạ tầng đô thị được quy hoạch, chỉnh trang, nâng cấp ngày càng phát triển đồng bộ đảm bảo đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Đảng bộ, chính quyền, các đoàn thể và nhân dân phường Xuân La đang ra sức thi đua, học tập, lao động, sản xuất góp phần giữ vững danh hiệu phường Văn hóa, tiến tới xây dựng phường đạt chuẩn đô thị văn minh.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo luôn được Đảng ủy quan tâm chỉ đạo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn phường. Đội ngũ giáo viên các trường đều đạt chuẩn và trên chuẩn. Số học sinh giỏi, giáo viên giỏi năm sau cao hơn năm trước. Công tác phổ cập giáo dục được thực hiện tốt. Cả ba trường đều duy trì và giữ vững chất lượng chuẩn quốc gia.

Trường THCS Xuân La

Trường Tiểu học Xuân La

III. DẤU ẤN LỊCH SỬ VÀ VĂN HOÁ

Từ xa xưa ở mỗi làng quê Việt Nam "cây đa, bến nước, sân đình" là những nét văn hóa truyền thống của Việt Nam. Trải qua bao năm tháng, bao đổi thay song những dấu tích của người xưa, vẫn được bảo tồn và lưu giữ.

1. ĐÌNH QUÁN LA

Đình Quán La - Xuân La - Tây Hồ cũng là một di tích có từ lâu đời. Đình Quán La thờ vị Sơn thần và bà Duệ Trang, một liệt nữ có công đánh giặc, bảo vệ kinh thành Thăng Long. Bà Duệ Trang được dân địa phương phụng thờ từ cuối triều Trần.

Đình nằm trên gò Thất Diệu, gồm ba gian thờ dọc, hai gian tiền tế và một gian hậu cung. Phía sau đình có một hang sâu gọi là động Thông Thiên, tương truyền dựng vào thời Lý Thần Tông (1128 - 1138) là nơi tu luyện của các đạo sĩ. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp, thực dân Pháp đã cho lấp bỏ động để đề phòng quân du kích trú ngụ. Trong khuôn viên đình có văn chỉ làng Quán La, thờ Lão Tử.

Cụm di tích tôn giáo tín ngưỡng gồm đình Quán La, chùa Khai Nguyên, miếu và hang ở Quán La Xã có chiều dài lịch sử đặc biệt và hiếm thấy ở Việt Nam. Cụm di tích này còn lưu giữ được 18 đạo sắc phong, 11 bia đá cổ ghi chép việc tu sửa, tôn tạo đình, chùa.

Đình Quán La

Trước đình Quán La có một cây thị cổ, tương truyền, vào thời Lý, chỗ này chính là nơi ở của các kỹ nữ Chiêm. Cây thị rất lớn nhưng hàng năm chỉ có một vài quả nhỏ, rất thơm nhưng không ăn được. Hiện dưới gốc cây thị có một am thờ các kỹ nữ Chiêm.

Năm 2011 cây thị và cây đa đình Quán La đã được công nhận danh hiệu cây di sản Việt Nam. Cây thị đình Quán La khoảng 900 tuổi, chu vi thân cây 6,6 m, chiều cao 35 m. Cây đa đình Quán La khoảng 250 tuổi, chu vi thân chính 6,3 m, cao 32 m.

Cây đa di sản

Cây thị di sản

2. CHÙA KHAI NGUYÊN

Chùa Khai Nguyên còn có tên gọi khác là Khai Nguyên tự hoặc Chùa Hang. Chùa có kiến trúc theo kiểu chữ đinh truyền thống. Chùa có năm gian. Chùa còn giữ được nhiều di vật cổ có giá trị như chuông đồng bát hương đồng và nhiều tượng Phật. Trong chùa có 37 pho tượng ở tam bảo và hai động lớn, 13 pho tượng ở nhà Mẫu, năm pho ở nhà thờ tổ. Nhiều tượng có phong cách nghệ thuật của thế kỉ XVIII, XIX. Chùa Khai Nguyên có chiều dài lịch sử đặc biệt và hiếm thấy ở Việt Nam. Tại đây còn lưu giữ được 18 đạo sắc phong, 11 bia đá cổ ghi chép việc tu sửa, tôn tạo đình, chùa. Năm 1992 chùa Khai Nguyên được nhà nước công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

Chùa Khai Nguyên

3. CHÙA ỨC NIÊN

Chùa Ức Niên có kiến trúc theo kiểu chữ đinh truyền thống, tòa tiền đường năm gian 2 dĩ, tòa hậu cung 3 gian. Chùa được xây dựng từ thời Lê đã trải qua nhiều đợt trùng tu, sửa chữa. Qua nhiều biến cố lịch sử, chùa gần như không lưu giữ được những hiện vật quý giá.

Chùa Ức Niên

4. CHÙA VẠN NIÊN

Chùa còn có tên gọi khác là chùa Vạn tuế. Khuôn viên rộng rãi, chùa trải dài theo bờ hồ Tây dưới bóng mát của nhiều cây cổ thụ lâu năm. Theo sách Thăng Long cổ tích khảo: chùa Vạn Tuế xây dựng năm Thuận Thiên thứ hai (tức năm 1011). Chùa Vạn Tuế sau đổi là chùa Vạn Niên. Chùa có cấu trúc theo kiểu chữ đinh truyền thống, các nếp nhà quay theo hướng Đông. Chùa đã được trùng tu tôn tạo nhiều lần nhưng vẫn sử dụng những vật liệu gỗ truyền thống nên chùa còn giữ được vẻ đẹp truyền thống của một ngôi chùa cổ của Hà Nội. Chùa còn lưu giữ một số di vật có giá trị như: năm y môn chạm tứ quý bát bửu, một quả chuông lớn với tên gọi "Vạn niên tự chung" đúc năm Kiến Phúc nguyên niên 1884. Chùa có tuổi xấp xỉ tuổi đời của kinh thành Thăng Long dù trải qua rất nhiều lần trùng tu tôn tạo nhưng kiến trúc của ngôi chùa vẫn giữ được nét truyền thống đậm chất dân gian của Việt Nam. Năm 1996 chùa vạn niên được bộ văn hóa thông tin xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

Chùa Vạn Niên

Em có biết?

Ngày 23/11/1964 lần thứ ba Bác Hồ về thăm Xuân La. Bác Hồ cùng các cán bộ xã đến thăm đình Quán La Xã. Người đứng dưới gốc đa trước cửa đình căn dặn cán bộ và nhân dân trong xã: "Cây đa cổ thụ này cũng như ngôi đình là di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật có giá trị cao, các cụ phụ lão và toàn dân Xuân La phải giữ gìn bảo vệ cho thật tốt". Đây là một niềm vinh dự lớn lao cho di tích và nhân dân Xuân La. Để ghi nhớ sự kiện lịch sử Bác Hồ về thăm Xuân La, năm 1986 ngay trước đình, xã đã cho xây khu lưu niệm Bác Hồ. Tháng 7/2011 khu lưu niệm Bác Hồ đã được Ban Quản lý di tích danh thắng Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Thành phố Hà Nội gắn biển lưu niệm sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Xuân La.

Vào năm 1995, dân làng tiến hành đào móng, trùng tu lại cung cấm của ngôi đình, đã phát hiện nền móng cũ dưới lòng đất có rất nhiều viên gạch lớn, với nhiều hình thù, có viên chạm trổ rồng, có viên trổ long mã với đầu rồng mình ngựa. Căn cứ vào những viên gạch có niên đại từ thời Lý, thì ngôi đình này nhất định đã có từ thời Lý, nghĩa là nó có tuổi ngàn năm.

Các viên gạch có hoa văn thời Lý

Có một điều khá đặc biệt, là từ thế kỷ XIV, cách nay gần 700 năm, các nhà chép sử đã nhắc đến một cái động có tên là Thông Thiên. Lý Tế Xuyên viết trong Việt điện u linh, rằng: Các vua nhà Lý thường du ngoạn đến quán Già La, thấy dưới chân núi có hang, tuy không to lắm nhưng sâu và dài, liền sai xây bậc để có thể lên xuống và gọi là động Thông Thiên. Cũng vì dưới ngôi chùa này có động, nên có một thời gian gọi chùa là chùa Hang. Dân chúng thì đồn đại hang động là nơi người Tàu để của.

Sau này, ở thế kỷ XX, nhà Hà Nội học Hoàng Đạo Thúy (1900 - 1994) trong cuốn Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, cũng viết: "Đây là cái hang trong lòng quả núi đất, thuộc vào một trong 7 quả núi có hình Thất Tinh. Vua Lý Thần Tông đã cho xây gạch làm động Thông Thiên. . .".

Kết nối hiện tại

Với những dấu tích còn sót lại với thời gian và điều ghi chép trong lịch sử, năm 1992, đình Quán La đã được Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng là Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia.

Hang dưới đình

Có lẽ với thăng trầm của lịch sử, dòng thời gian lúc thịnh, lúc suy nhưng những dấu tích từ ngàn xưa để lại là còn mãi mãi. Là những người con của đất Xuân La, các thế hệ con cháu hiện nay đã đang và sẽ ra sức gìn gìn, bảo vệ những di tích của ông cha để lại, gìn giữ những nét đẹp văn hóa truyền thống lâu đời của người Việt. Các thế hệ con cháu ngày ngày đến thăm nom, nghe giới thiệu về các di tích trên đất Xuân La để những nơi đây mãi mãi là một trong số ít những điểm đến của thủ đô Hà Nội còn giữ được những nét đẹp cổ kính, nguyên sơ với những di tích văn hóa - lịch sử đặc sắc thu hút ngày càng nhiều du khách thập phương đến tham quan, tìm hiểu. Chính các hoạt động hướng về cội nguồn đó đã góp phần rất lớn trong việc giáo dục thế hệ mai sau nhớ về lịch sử, nhớ về cội nguồn để sống tốt hơn khi biết đã có những thời kỳ vất vả và hi sinh của bao thế hệ cha ông vì quê hương, vì những "cây đa, bến nước, sân đình" mới có ngày hôm nay, từ đó hun đúc tinh thần yêu quê hương đất nước cho lớp lớp cháu con theo bước ông cha bảo vệ những thành quả mà cha ông đã dựng nên để bảo tồn, lưu giữ và phát triển.

* Học sinh tìm hiểu

1/Đóng vai hướng dẫn viên du lịch hãy giới thiệu với du khách về vùng đất và con người Xuân La.

2/Hãy kể tên một số di tích lịch sử trên địa bàn phường Xuân La. Em làm gì để giữ gìn giá trị di tích lịch sử đó?

BÀI 12 LỊCH SỬ CÁCH MẠNG PHƯỜNG PHÚ THƯỢNG

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Phường Phú Thượng là vùng đất cổ, từ lâu đời đã gắn bó với Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội. Nằm ở phía tây bắc hồ Tây, phường Phú Thượng là một dải đất ven sông có phong thủy tốt, cư dân hiền hòa, đôn hậu. Là mảnh đất tốt của Hà Nội ngàn năm văn hiến.

Xã Phú Thượng thuộc huyện Từ Liêm (tính đến tháng 10/1995) gồm ba thôn cũ là Phú Gia (tên nôm là làng Gạ), Thượng Thụy (tên nôm là làng Bạc) và Phú Xá (tên nôm là làng Xù) hợp lại. Thực hiện Nghị định số 69-CP ngày 28/10/1995 của Chính phủ, Phú Thượng chuyển về quận Tây Hồ và ổn định địa giới đến nay.

Theo dòng lịch sử, các làng có tên nôm là Bạc, Gạ, Xù thuộc vùng "Văn minh sông Hồng", từ đầu công nguyên (cách đây trên 2.000 năm) đã có người Việt cổ đến khai phá đất đai lập làng.

Theo bản thần tích của làng Bạc và truyền thuyết ở địa phương thì từ đầu công nguyên, ở bờ sông Hồng, trên bến làng Bạc có dinh của viên quan thái thú nhà Hán là Nghị Công. Chúng lập trạm thu thuế các thuyền bè chuyên chở hàng hóa trên sông, do thu được nhiều tiền bạc nên gọi là bến Bạc. Trên sông, viên thái thú lập đền thờ Long Vương trên bến sông. Một năm nước lũ dâng lên làm cho cả gia đình viên thái thú có 4 người đều bị chết. Về sau, nhân dân dời ngôi đền vào trong làng, nay là ngôi đình. Viên thái thú là phó tướng của Mã Viện tên thật là Lưu Long, được nhà Hán (Trung Quốc) cử sang xâm lược nước ta, đàn áp cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng (năm 43 sau Công nguyên). Một chứng tích khác, ở phía nam làng Bạc, trên cánh đồng làng Giàn (phường Xuân Đỉnh), hiện còn một số ngôi mộ cổ xây bằng gạch có hoa văn thời Hán, chứng minh các viên quan đô hộ người Hán từng đóng ở gần vùng này mới chọn vùng đất ấy làm nghĩa địa.

Sau đó gần 700 năm, Phú Gia lại là trụ sở của viên thứ sử nhà Đường. Theo Bản ấp tôn thần sự tích còn lại ở địa phương thì năm Ất Sửu (725), Thứ sử Lư Anh đến ở đây, một buổi trưa nằm mơ thấy một người tự xưng là thần quản lĩnh vùng này, tỉnh dậy ông ta cho lập đền thờ. Lúc đó, làng này có tên gọi là Bà Già hương. Lư Anh đến đây đổi thành An Dưỡng phường, giáp hai huyện Long Đỗ và Từ Liêm. Đến đời Trần (thế kỷ XIII), khi quân Mông - Nguyên sang xâm lược nước ta, nhân dân địa phương có công tham gia đắp lại thành Đại La và bến

Đông Bộ Đầu nên được vua Trần cho đổi thành Phú Gia xã, bao gồm cả hai làng Gạ và Xù. Về sau, dân cư ngày càng đông đúc, làng xã có nhiều người từ Thọ Xuân (Thanh Hóa) đến ở, lập ra xóm Phú Thọ. Đến đời Lê, ông nghè Nguyễn Kiều (đỗ tiến sĩ năm 1715) làm quan Đô ngự sử trong triều đình, đã cùng dân làng xây dựng đình Phú Xá vào tháng Chín năm Kỷ Tỵ (1749) đến tháng Năm năm Canh Ngọ (1750) thì khánh thành. Trải qua thăng trầm của lịch sử, đình Phú Xá được trùng tu sửa chữa nhiều lần. Đặc biệt năm 2009, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội, Quận ủy Tây Hồ và phường Phú Thượng đã trùng tu lại ngôi đình Phú Xá, trong đó có nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Phú Xá xưa ở cạnh sông Thiên Phù, một con sông cổ, là nhánh của sông Hồng từ Phú Xá qua Quán La xuống Nghĩa Đô, nối vào sông Tô Lịch. Có thể ông nghè Nguyễn Kiều đã cho chuyển một cung điện sai quy cách từ trong thành Thăng Long theo dòng sông Tô Lịch vào sông Thiên Phù về Phú Xá. Bản đồ Thăng Long đời Hồng Đức nhà Lê vẫn còn ghi là sông Thiên Phù, sau đó, khi sông Hồng chuyển dòng, cửa sông bị cạn, con sông không còn nữa.

II. PHÚ THƯỢNG - VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

1. Vị trí địa lí

Phú Thượng nằm bên bờ nam sông Hồng về phía tây bắc nội thành, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội khoảng 8 km. Phía bắc giáp sông Hồng; phía đông giáp phường Nhật Tân; phía nam giáp các phường: Xuân La, Xuân Đỉnh; phía tây giáp phường Đông Ngạc. Phường có chiều dài 3,2 km chạy dọc theo đường 23 từ Yên Phụ đến Chèm (nay là đường An Dương Vương), với diện tích là 6,097km^2.

Bản đồ hành chính phường Phú Thượng

2. Dân cư

Phường Phú Thượng có diện tích tự nhiên 652,97 ha dân số 26.650 người với 7.169 hộ gia đình chia thành 20 tổ dân phố (theo số liệu năm 2022).

Nhân dân Phú Thượng vốn có truyền thống lao động cần cù, sáng tạo. Bên cạnh việc trồng lúa nước còn có nghề trồng dâu trên bãi sông để chăn tằm kéo tơ, cung cấp cho các làng dệt vùng Bưởi. Ca dao cổ có câu: "Xù, Gạ thì giỏi chăn tằm; Làng La canh cửi, làng Đăm bơi thuyền".

Xưa kia, ở cạnh cửa đình Phú Gia có ngôi miếu thờ bà chúa Tiên tằm (bà tổ nghề tằm), người có công dạy dân trồng dâu chăn tằm kéo tơ. Nhân dân Thượng Thụy có nghề nung đồ sành, chum, chĩnh...

Ngoài ra, ở Phú Gia còn có nghề làm hàng quà nổi tiếng như bánh trôi, bánh chay, xôi chè, rượu nếp, đặc biệt là bánh đa kê - đặc sản của Hà Thành, không nơi nào có bán cho dân thành thị.

Tuy quanh năm vật lộn với sông nước, đời sống khá cực nhọc nhưng không vì thế mà người dân Phú Thượng sao nhãng việc học hành. Nhờ sự hiếu học của người dân nên trong suốt 5 thế kỷ, từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX, Phú Thượng có nhiều người học hành đỗ đạt cao làm rạng danh quê hương, dòng họ.

3. Kinh tế - xã hội

Từ khi được ánh sáng cách mạng của Đảng soi đường, Phú Thượng đã trở thành căn cứ cách mạng, an toàn khu của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ, nơi nuôi giấu, bảo vệ nhiều cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng. Đặc biệt, Đảng bộ và nhân dân Phú Thượng luôn vinh dự, tự hào là nơi đầu tiên được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về Thủ đô Hà Nội chuẩn bị cho ngày tuyên bố độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 02/9/1945.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Phú Thượng một lòng đi theo Đảng, tham gia Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước, vào cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ với rất nhiều tấm gương tiêu biểu cho truyền thống yêu nước của người dân vùng đất này.

Trong công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước, nhân dân Phú Thượng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ phường Phú Thượng đã có nhiều thành tích góp phần thay đổi sâu sắc đời sống của nhân dân.

Về kinh tế, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ phường lần thứ XXVI, Ban Chấp hành Đảng bộ phường đã xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình số 02-CTr/ĐU, ngày 19/11/2015 về "Phát triển kinh tế phường Phú Thượng giai đoạn 2015 - 2020"; chú trọng phát triển kinh tế theo hướng "Dịch vụ - Thương mại - Nông nghiệp". Trong đó đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển làng nghề

truyền thống Xôi Phú Thượng. Đồng thời chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án "Đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn quận Tây Hồ" giai đoạn 2018 - 2020, Đề án "Thí điểm quản lý các cửa hàng kinh doanh trái cây trên địa bàn các quận nội thành của Thành phố Hà Nội. Trong 5 năm qua, phường quan tâm đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ kinh doanh dịch vụ phát triển.

Công tác thu, chi ngân sách được quan tâm chỉ đạo sát sao. Tổng thu ngân sách bình quân hàng năm đạt 28,83 tỷ đồng, đều đạt và vượt chỉ tiêu quận giao. Tổng chi ngân sách bình quân hàng năm 22,06 tỷ đồng.

Công tác giáo dục và đào tạo phát triển toàn diện. Đảng ủy phường đã xây dựng và triển khai có hiệu quả Nghị quyết chuyên đề số 125-NQ/ĐU, ngày 26/4/2018 về "Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn phường giai đoạn 2018 - 2020". Hàng năm, các chỉ tiêu giáo dục đều hoàn thành, toàn phường không có học sinh bỏ học, không có học sinh vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội. Đội ngũ giáo viên không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn trên 80%; tỷ lệ giáo viên là Đảng viên từ 27% (năm 2015) tăng lên 35,4% (năm 2019); triển khai thực hiện tốt Đề án "Xóa mù bơi cho học sinh" giai đoạn 2017 - 2020. Trong nhiệm kỳ qua, Quận đã quan tâm đầu tư xây dựng mới trường Mầm non Đoàn Thị Điểm; cải tạo, nâng cấp sửa chữa, mở rộng phòng học và nhà thể chất trường THCS, trường Tiểu học Phú Thượng. Các nhà trường tiếp tục giữ vững danh hiệu trường chuẩn Quốc gia mức độ 1, trường Mầm non Đoàn Thị Điểm đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập đã đạt được hiệu quả thiết thực. Phường được công nhận danh hiệu phường cộng đồng học tập. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân ngày càng được coi trọng. Trạm y tế phường được đầu tư về cơ sở vật chất, đội ngũ y tá, bác sĩ được bố trí bảo đảm chế độ trực, khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao phát triển sâu rộng, giữ vững truyền thống là phường có phong trào mạnh nhiều năm. Ngoài phục vụ nhiệm vụ chính trị nhân các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm lớn, phường còn tham gia các hội diễn của quận và thành phố đạt nhiều thành tích cao.

Cùng với phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ, chính quyền phường tăng cường lãnh đạo bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Công an phường tích cực đẩy mạnh phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng thế trận an ninh nhân dân, xây dựng các mô hình tự quản về an ninh trật tự, thực hiện liên kết với Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ trong phòng, chống tệ nạn xã hội, chống đua xe trái phép.

III. DẤU ẤN LỊCH SỬ - VĂN HÓA

1. Các di tích

Trải qua quá trình lịch sử, từ cổ đại đến nay, Phú Thượng chứa đựng lớp lớp các chứng tích lịch sử của Đại La - Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, hiện nay vẫn còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử - văn hóa có giá trị nghiên cứu như: chùa Bà Già, đình Phú Gia, chùa Phú Xá, đình Thượng Thuỵ, đình Phú Xá, nhà bà Hai Vẽ….

Chùa Bà Già, nằm ở phía tây bắc Hồ Tây, có tên gọi theo địa danh là chùa Phú Gia. Chùa Bà Già nằm ở bên bờ hữu ngạn sông Hồng. Chùa là một công trình kiến trúc Phật giáo có từ khá sớm, với quy mô lớn, nổi tiếng nên có câu ca:

Thứ nhất là chùa Bà Đá

Thứ nhì là chùa Bà Đanh

Thứ ba là chùa Bà Già".

Chùa Bà Già, Phú Thượng, Tây Hồ.

Chùa được xây dựng từ thời Trần (1258) trên một khu đất rộng, thoáng gọi là "Quy độ đầu", thế đất hình con rùa nằm ở phía bắc của làng. Chùa quay về hướng nam, bên trái là vườn cây ăn quả và hồ nước rộng, phía sau chùa là đường đê và sông Hồng. Chùa có địa thế và cảnh quan thiên nhiên khá đẹp, nằm sát đường đê sông Hồng.

Tư liệu trên tấm bia "Bà Già tự bi ký" dựng tại chùa cho biết, chùa được trùng tu lớn vào tháng Hai tiết xuân, năm Dương Hòa thứ 2 (1636). Bài văn trên hai quả chuông "Trùng tạo trú hồng chung Bà Già tự" niên hiệu Chính Hòa thứ 16 (1695) cho thấy, chùa có bố cục mặt bằng kiểu chữ Công. Từ ngoài chùa vào có các công trình: cổng tam quan, nhà tiền đường, thượng điện, nhà thờ tổ, thờ mẫu, tăng phòng, 2 nhà giải vũ... Các công trình được bố trí hài hòa trong một không gian rộng thoáng, những nếp nhà cổ ẩn mình dưới những tán cây xanh mát mẻ.

Hiện nay, tại chùa còn lưu giữ bộ cổ vật khá phong phú gồm: 58 pho tượng được tạo tác công phu, tinh xảo, sơn son thếp vàng lộng lẫy, mang phong cách nghệ thuật của thế kỷ XVII, XVIII, XIX. Ngôi chùa được Bộ Văn hóa công nhận là di tích lịch sử năm 1996.

Em có biết? *Nguồn gốc họ Công và họ Bố ở Phú Thượng*

Thôn Phú Gia ngày trước có tới 80% là ruộng đất công. Và trong làng, bên cạnh những họ quen thuộc như Nguyễn, Hồ... có hai họ ít gặp: họ Ông và họ Bố. Phải chăng đó là các họ gốc Chăm? Họ Ông sau có nhiều người đỗ đạt: đời Lê Thánh Tông có Ông Nghĩa Đạt đỗ Bảng nhãn khoa 1475. Sau đó suốt đời Lê Trung Hưng có tới 7 người đỗ Hương cống (Cử nhân).

Vậy mà tới giữa thế kỷ XIX hai họ này phải đổi ra là Công và Hi. Việc đổi này bắt nguồn vào khoảng đời Tự Đức, người hai họ này có việc phải lên quan huyện Từ Liêm. (Ngày ấy Phú Gia thuộc huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội). Viên quan này vốn tính hách dịch, đọc xong đơn, chưa xét hỏi gì, ngài phán ngay: "Bọn dân này láo, dám xưng bố, xưng ông với các quan à?". Và thế là chữ Ông vốn gồm hai chữ Công và chữ Vũ, ngài bắt bỏ chữ Vũ nên chỉ còn lại chữ Công, còn về chữ Bố thì ngài phết hai phết lên đầu hóa thành chữ Hi. Từ đó hai họ Ông và Bố bị đổi gọi là Công và Hi.

Đình Phú Gia, được xây dựng trên một thế đất đẹp ở trung tâm của làng Phú Gia. Căn cứ theo cuốn thần tích, sắc phong và truyền thuyết dân gian còn lưu tại đình Phú Gia, lai lịch của thần có thể tóm tắt như sau: thần có tên là Nhự hay còn gọi là "thần Già La" tục gọi là thần Khai Nguyên. Thời Hùng Vương thứ 6, ngài cầm quân đánh giặc Ân, bị giặc chém vào cổ, đầu ngả về một bên nhưng vẫn phi ngựa về đến đầu làng... Sau khi ngài qua đời, dân làng Phú Gia lập đền thờ để ghi nhớ công trạng của ngài. Câu chuyện đó còn truyền tụng ở địa phương đến ngày nay, dân làng kiêng từ "chết", phải nói là "chít" cũng từ đó.

Đình Phú Gia còn lưu giữ được hệ thống di vật phong phú về thể loại và chất liệu như: hệ thống các thần phả, chuông đồng, ngai thờ, kiệu gỗ, cửa võng, hoành phi, câu đối mang giá trị văn hóa, khoa học và thẩm mỹ cao cùng 16 đạo sắc phong có niên đại trải dài qua các thời kỳ Lê - Nguyễn. Sắc phong sớm nhất có niên đại Thịnh Đức, đời Lê Thần Tông, đề ngày 06 tháng Bảy năm 1655. Đình Phú Gia đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và

Đình Phú Gia, Phú Thượng, Tây Hồ

Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia tại Quyết định số 53/2001/QĐ-VHTT, ngày 28/12/2001.

Phú Gia có Văn chỉ được xây dựng từ năm Minh Mạng thứ 15 (1835), có bản hương ước 10 điều. Đó cũng là tập quán đẹp, hiện nay nhiều nội dung vẫn còn lưu truyền trong dân gian. Văn bản này hiện đang được lưu giữ tại Viện nghiên cứu Hán - Nôm.

Ngoài ra ở Phú Gia còn có Từ vũ là nơi luyện tập võ nghệ cho các trai tráng để bảo vệ xóm làng, chống nạn trộm cắp, bảo đảm an ninh. Hằng năm, dân làng Phú Gia lấy ngày 10 tháng Giêng là ngày hội truyền thống của làng.

Di tích lịch sử cách mạng nhà bà Hai Vẽ, cụ An

(Tham khảo Bài 4: Di tích lịch sử - văn hóa)

2. Các làng nghề truyền thống

Đào Phú Thượng: Phú Thượng là xứ sở của hoa đào, điểm đến hấp dẫn, thu hút đông đảo du khách đến thăm, thưởng ngoạn và chọn mua đào mỗi dịp Tết đến Xuân về. Sắc thắm của hoa đào Phú Thượng đã trở thành biểu tượng của nét xuân, vẻ Tết của Thăng Long - Hà Nội.

Đào được trồng đúng trên đất phù sa màu mỡ của sông Hồng, đón nắng, đón gió và khí trời của bao la Hồ Tây. Đào Phú Thượng đã được khẳng định thương hiệu với nhiều loại: đào phai cánh mỏng, lá thưa, màu hồng sáng; đào bích đỏ thẫm, dày hoa, lá rậm. Đặc biệt là đào Thất Thốn, *mỗi thốn cành cây, tức độ dài bằng đốt ngón tay, có thể trổ tới 7 bông hoa với những nụ hoa đỏ đầy sức sống, bông to, cánh dày, nhị hoa vàng, vươn dài kiêu sa đẹp đến nao lòng.* Chỉ một bông nở đã làm ấm cả không gian, xua tan giá lạnh của đất trời. Cánh đào Phú Thượng gặp gió hồ Tây mỗi dịp Tết đến Xuân về càng thắm hơn, dày hơn, như nụ cười người con gái…

Ghé Phú Thượng sớm mai, khi cái Tết đang khấp khởi gõ cửa mỗi nhà, du khách sẽ được ngắm bông hoa đào hồng phớt chớm nở, ngắm trái quất vàng rực trĩu cành, càng thêm yêu Hà Nội…

Xôi Phú Thượng: Xôi là món ăn quen thuộc ở khắp mọi miền đất nước, nhưng chỉ ở Hà Nội và đặc biệt là ở Phú Thượng thì xôi lại có một sức hút kỳ lạ.

Xôi Phú Thượng

Quá trình hình thành và phát triển làng nghề: Thời gian hình thành nghề nấu xôi của người dân Phú Thượng đã được hình thành và song song tồn tại cùng với quá trình gieo trồng cây lúa nước. Với nguồn nguyên liệu tự làm ra "Xôi Phú Thượng" từ những ngày đầu cũng chỉ là vật phẩm dùng cho việc cúng tế, khao vọng, giỗ chạp, cưới xin… chứ xôi chưa phải là lương thực làm ra để bán. Thời gian cứ dần trôi "Xôi Phú Thượng" dần trở nên có tiếng và định hình trong lòng bạn bè du khách thập phương. Ở giai đoạn đầu nấu xôi vẫn chỉ là một nghề phụ, việc bán xôi vẫn chỉ dành cho phụ nữ. Cùng với sự phát triển của xã hội, người Phú Thượng nhận ra, xôi Phú Thượng đã giúp cho bao gia đình thoát nghèo, trở nên khá giả, có tích lũy.

Xôi Phú Thượng được làm từ gạo nếp cái hoa vàng, có màu vàng óng của thiên nhiên thuần khiết, hương vị phảng phất mùi thơm của lúa nếp đang thì con gái, ngậy bùi, nửa dân dã, nửa cao sang và rất đa dạng, phong phú: xôi xéo, vừng dừa, xôi gấc, xôi đậu xanh, đậu đen… cùng bí quyết bao đời nay khiến cốt xôi Phú Thượng có hương vị đặc trưng hiếm nơi nào sánh được. Chính món ăn bình dị, thân thương ấy đã làm nên tên tuổi cho một ngôi làng nhỏ ven Tây Hồ mà người ta vẫn biết đến với cái tên "Xôi Phú Thượng".

"Làng Gạ có gốc cây đề
Có sông tắm mát có nghề nấu xôi"

Ngày 16/5/2019 làng xôi Phú Thượng đón nhận thương hiệu làng truyền thống xôi Phú Thượng.

*** Em có biết?**

Bà Điểm, nguyên họ Đoàn, biệt hiệu là Hồng Hà - nữ sĩ, sinh vào đầu thế kỷ XVIII đời Lê. Tư chất Bà rất thông minh, từ năm lên sáu tuổi đã học đến sử ký. Bà kết duyên cùng ông Nguyễn Kiều - làm quan Thượng thư hiệu Hạo Hiên. Khi chồng mất, học trò của ông đã theo học bà, bà mở trường dạy học. Năm 1748, bà bị ốm nặng và mất, phần mộ của bà hiện nay an táng tại phường Phú Thượng quận Tây Hồ, Hà Nội. Tác phẩm nổi tiếng của Bà: "Tục Truyền kỳ" diễn nôm bài "Chinh phụ ngâm".

*** Kết nối với hiện tại**

Ngày 23/8/2022 nhân dân Phú Thượng, quận Tây Hồ vừa vinh dự đón nhận Bằng xếp hạng Di tích quốc gia Địa điểm lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc tại nhà cụ Nguyễn Thị An.

Thứ trưởng Bộ VHTT&DL Hoàng Đạo Cương trao Bằng xếp hạng di tích quốc gia địa điểm lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc tại gia đình cụ Nguyễn Thị An, quận Tây Hồ

*** Học sinh tìm hiểu:**

1. Trong các làng nghề truyền thống của Phú Thượng em thích nhất là nghề nào? Vì sao?

2. Giả sử là một hướng dẫn viên du lịch, em sẽ giới thiệu như thế nào để cho du khách trong và ngoài nước hiểu về mảnh đất và con người Phú Thượng?

BÀI 13 LỊCH SỬ PHƯỜNG BƯỞI

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Phường Bưởi xưa kia thuộc vùng Bưởi (còn gọi là Kẻ Bưởi - "Kẻ" là một đơn vị hành chính của người Việt cổ tương đương với đơn vị "làng").

Theo truyền thuyết, từ "Bưởi" xuất hiện vì lí do vùng này xưa là vùng bãi bồi ven theo hai con sông Thiên Phù và Tô Lịch. Mỗi mùa lũ, cây và quả bưởi từ miền Bạch Hạc (Phú Thọ) trôi dạt về rất nhiều, mọc thành rừng và đây cũng là nơi buôn bán bưởi, vì thế vùng này có tên gọi là "Bưởi".

Một góc chợ Bưởi xưa

Thời Lý, vùng Bưởi thuộc phủ Ứng Thiên của kinh thành Thăng Long. Qua quá trình phát triển, năm 1961, một phần của vùng Bưởi thuộc địa phận khu phố Ba Đình.

Năm 1991, phường Bưởi được thành lập, trực thuộc quận Ba Đình. Đến năm 1995, chính phủ ra quyết định thành lập quận Tây Hồ, theo đó phường Bưởi được tách khỏi quận Ba Đình chuyển sang quận Tây Hồ.

II. PHƯỜNG BƯỞI - VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

1. Vị trí địa lí

Phường Bưởi ngày nay là một đơn vị hành chính thuộc quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Về mặt địa giới, phía đông phường giáp Hồ Tây, phía đông nam giáp phường Thụy Khuê; phía nam giáp phường Vĩnh Phúc (quận Ba Đình); phía bắc giáp phường Xuân La; phía tây giáp phường Nghĩa Đô (quận Cầu Giấy). Phường gồm các làng cổ là Hồ Khẩu, Đông Xã, An Thái, An Thọ, Trích Sài và Võng Thị, xưa kia thuộc vùng Bưởi, một vùng đã được hình thành từ ngàn năm.

Phường Bưởi có tổng diện tích là 148,35 ha; có 21 di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng và 1 nhà thờ Thiên chúa giáo. Trong đó 6,3 ha diện tích mặt nước Hồ Tây và 2,5 km đường dạo quanh Hồ Tây. Địa bàn phường có tuyến đường đường Lạc Long Quân, Thụy Khuê, Hoàng Hoa Thám, phố Võng Thị và phố Trích Sài.

2. Dân cư

Phường Bưởi có 6.560 hộ dân với gần 26.985 nhân khẩu, sinh sống ở 16 Tổ dân phố; Đảng bộ phường có 21 chi bộ với 1.370 đảng viên. (số liệu năm 2022)

Đây là vùng đất có bề dày truyền thống cách mạng, nhân dân có lòng yêu nước sâu sắc, hiếu học và cần cù lao động.

3. Kinh tế - xã hội

Những năm qua, kinh tế trên địa bàn phường có tốc độ tăng bình quân 15% năm. Mục tiêu phát triển kinh tế tiếp theo của phường là *"Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, đảm bảo vệ sinh môi trường, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân"* gắn với nhiệm vụ xây dựng phường Văn hóa đúng hướng, phù hợp với điều kiện của phường.

Công tác văn hóa - xã hội đã và đang được tiếp tục triển khai tại địa bàn phường và đạt được những thành tựu rất đáng ghi nhận.

Sáng ngày 18/1/2020 , Đảng ủy - HĐND - UBND - UB MTTQ Phường Bưởi long trọng tổ chức Lễ đón nhận quyết định "Phường văn hóa".

Sự nghiệp giáo dục trên địa bàn phường luôn được quan tâm và có sự phát triển. Phường có nhiều trường học đạt chuẩn Quốc gia: Trường tiểu học Đông Thái và Trường Mầm non Bình Minh đạt đơn vị tiên tiến, xuất sắc cấp Thành phố và giữ vững trường chuẩn Quốc gia mức độ I, Trường THCS Đông Thái đạt chuẩn Quốc gia mức độ II. Chất lượng giáo dục được duy trì, giáo dục mũi nhọn ngày càng nâng cao. Công tác khuyến học, khuyến tài được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm ủng hộ, tạo điều kiện, cộng đồng dân cư tích cực hưởng ứng. Tất cả nhằm mục đích đào tạo nên những con người có đủ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh.

Trường Mầm non Bình Minh

III. DẤU ẤN LỊCH SỬ - VĂN HÓA

1. Các di tích

Vùng Bưởi có truyền thống văn hóa, nhiều di tích lịch sử có giá trị. Trên địa phận phường Bưởi có nhiều đình, đền, chùa. Mỗi làng cổ lại có đình làng: đình làng Hồ Khẩu, đình làng Đông Xã, đình làng An Thái, đình làng Võng Thị, đình làng Trích Sài. Đầu thôn Đông (353 Thụy Khuê hiện nay) có đền Đồng Cổ gắn liền với "Hội thề Trung Hiếu" được xây dựng cách đây hàng ngàn năm. Quần thể di tích trên là niềm tự hào của mọi người dân sinh sống trên vùng đất này. Người dân đến viếng thăm không chỉ là để gửi gắm tâm linh, và còn để tưởng nhớ đến những người có công với dân, với nước.

a. Chùa Thiên Niên

Chùa Thiên Niên có tên chữ là Thiên Niên Cổ Tự, còn được gọi là chùa Trích Sài nằm ngay sát bờ hồ Tây, thuộc làng Trích Sài, phường Bưởi, giáp ranh với phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Theo truyền thuyết, chùa ra đời thời Lý Nam Đế (544 - 548). Ban đầu chùa có tên là Chùa Bát Tháp. Đến thời Lê Thánh Tông vua cho lập trang Thiên Niên. Trên nền đất cao hơn, xây dựng lại Chùa Bát Tháp cho các cung phi thờ Phật, đổi tên là Chùa Thiên Niên. Ý muốn nói trang Thiên Niên và Chùa Thiên Niên sẽ tồn tại mãi ngàn năm cùng với thời gian.

Làng Trích Sài từ xưa đã có một hệ thống thờ tự bao gồm Đền Thọ Phúc Lộc, Đàn Bát Tháp, Chùa Bát Tháp. Nay chỉ còn lại Đền Thọ Phúc Lộc và Chùa Thiên Niên. Chùa thờ Phật và thờ bà chúa dệt lĩnh Phạm Thị Ngọc Đô - thứ phi của vua Lê Thánh Tông đã từng truyền nghề dệt lĩnh cho nhân dân trong vùng.

Chùa quay lưng hướng nam nhìn ra hồ Tây mênh mang sóng nước, có đầy đủ các công trình kiến trúc của một khu chùa: Tam quan, sân vườn, chùa chính, nhà mẫu, nhà tổ, tang phòng, bếp và vườn tháp của các sư tổ đã viên tịch. Hiện nay, lối đi của chùa không phải từ Tam quan vào mà đi cổng ở phía đường Lạc Long Quân vào phía nhà bếp.

Chùa được Bộ Văn hóa Thông tin và Thể thao (nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích nghệ thuật tại Quyết định số 138/QĐ ngày 31 tháng 01 năm 1992.

Các di tích của làng cổ Trích Sài bao gồm cả Chùa Thiên Niên đều đã được bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch đánh giá, xếp hạng và tổ chức trùng tu hưởng ứng sự kiện 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Chùa Thiên Niên

b. Chùa Sải

Chùa Sải, tên chữ Tĩnh Lâu tự, tồn tại từ thế kỷ 16 nằm ở góc phố Trích Sài - Võng Thị, thuộc làng Hồ Khẩu, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Chùa Tĩnh Lâu tọa lạc trên một khu đất cao ở cuối làng Hồ Khẩu (Miệng hồ), mặt chính điện nhìn về phía sông Hồng ở hướng đông - bắc. Dưới thời Lê, nơi đây thuộc huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên, kinh thành Thăng Long.

Chùa được xây dựng từ thời nhà Lê. Điều này được chứng minh qua những tấm bia đá cổ có niên hiệu Cảnh Thịnh 1 (1793) ghi việc trùng tu sửa chữa chùa, rồi quả chuông đồng có niên hiệu Cảnh Thịnh 7 (1799). Đặc biệt bộ Tam quan chùa được xây dựng bằng những viên gạch vồ được làm vào thế kỷ XV - XVI.

Tương truyền ban đầu chỉ có một am nhỏ thờ các vương tôn quí tộc thời Lý, về sau am mới trở thành chùa thờ Phật. Vì do sư sãi trông coi nên còn có tên là chùa "Sãi", lâu dần dân làng gọi chệch ra chùa "Sải". Chùa Sải được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa theo Quyết định số 1460/QĐ-VH ngày 28-6-1996 của Bộ Văn hóa - Thông tin.

Tam quan chùa được làm theo kiểu vòm cuốn với kiến trúc hai tầng, tám mái lợp ngói ống giả, đầu đao cong thanh thoát nhẹ nhàng dưới tán lá xanh của một cây bồ đề to lớn bên bờ Hồ Tây mênh mông. Sau tam quan là một sân rộng, ở giữa có một pho tượng Phật A Di Đà trắng toát trong tư thế kiết già toạ sen trên bệ cao đặt trước giả sơn. Bên trái sân là vườn tháp mộ và ngõ vào khu vực phía sau chùa. Từ sân lên hiên tiền đường có hai bậc thềm rộng, ở giữa là một thềm nghiêng với đôi rồng đá chầu hai bên.

Mái toà Tam bảo lợp ngói mũi hài, bờ nóc ở hai đầu kìm đắp hai dấu vuông, bờ dải phía dưới xây theo kiểu tam cấp, ở trên trang trí các hoa văn hình chữ triện. Phía trước hiên có hai cột trụ xây nối liền với tường hồi của gian tiền đường, trên đỉnh cột có đắp đôi nghê chầu. Dưới con nghê là mui luyện, lồng đèn và các hình đầu rồng, hổ phù, hoa lá… Thân trụ hình vuông, các mặt có đề câu đối chữ Hán. Sau lưng toà Tam bảo là một sân rộng, hai bên có nhà thờ Mẫu và Trai đường. Hậu đường nằm ở cuối sân, bao gồm hai nếp nhà xây theo hình chữ Nhị. Năm 2014 chùa bắt đầu sửa sang khu vực này và xây tường bao toàn bộ khuôn viên chùa.

Trong chùa hiện lưu giữ được những hiện vật quý hiếm, mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XVI - XVII. Các pho tượng Phật giáo được tạo tác công phu, trau chuốt, đường nét thanh thoát, kế thừa tinh tuý của nền điêu khắc thời Lê - Mạc. Đặc biệt ở chính điện có tòa Cửu Long trông như chiếc lọng che (bảo cái), được xem là một tác phẩm độc đáo, khác với hình dáng thường thấy.

Ba pho tượng Phật Tam thế trong chính điện được tạc gần bằng kích cỡ của người thật, trong tư thế ngồi kiết già trên đài sen ba lớp với khuôn mặt thon thả, sống mũi thẳng, miệng hơi mỉm cười và đôi mắt khép hờ như đang nhìn xuống. Ngoài ra còn có 38 pho tượng nữa, trong đó bộ tượng Phật A Di Đà cao 1,34 m là lớn nhất.

Chùa Tĩnh Lâu còn lưu giữ được một số di vật có giá trị khác. Ngoài 15 tấm bia đá cùng nhiều hoành phi và câu đối cổ, tại cửa ra vào có treo quả chuông đồng đề chữ "Thanh Lâu thiền tự", do thiền sư Hải Vĩnh và một nữ hội chủ (thế danh Đồng Thị Đính, pháp hiệu Diệu Nương) hưng công cho đúc vào năm Cảnh Thịnh thứ 7 dưới thời Tây Sơn.

Chùa Sải (Tĩnh Lâu tự)

c. Chùa Võng Thị

Chùa Võng Thị (hay còn gọi là Vĩnh Khánh tự) tọa lạc tại số 75 Võng Thị, quận Tây Hồ, Hà Nội. Tương truyền ngôi chùa được khởi dựng từ thời Lý. Tồn tại đến ngày nay chùa đã qua nhiều lần trùng tu sửa chữa, trong đó phải kể đến lần trùng tu lớn vào năm Tân Sửu niên hiệu Thành Thái (1901). Hiện trạng ngôi chùa hiện nay là kết quả của việc trùng tu lớn của nhà sư trụ trì và nhân dân địa phương vào năm 2003.

Nằm trên một khu đất cao và rộng, bằng phẳng của làng Võng Thị, ngôi chùa có qui mô kiến trúc khá bề thế, với nhiều dãy nhà ngang dọc giữa những tán cây cổ thụ tạo nên trang nghiêm thanh tịnh nơi cửa thiền. Qui hoạch mặt bằng của chùa bao gồm: tam quan phía trước, sân gạch, vườn cây xanh, tam bảo, nhà thờ tổ và điện thờ mẫu.

Thời kỳ chiến tranh chống đế quốc Mỹ, ngay tại sân chùa Võng Thị, hầm chỉ huy của Thành ủy Hà Nội đã được xây dựng và là "an toàn khu" của quân dân thủ đô trong suốt những năm tháng chiến tranh ác liệt. Hầm được xây bằng đá hộc, mỗi bề rộng 12 m, nửa chìm nửa nổi, phần chìm thông với hệ thống địa đạo. Thành ủy Hà Nội đã làm việc ở đây và chỉ huy quân dânThủ đô lập nên những kỳ tích lừng lẫy, cho đến nay vẫn còn lưu dấu.

Với bề dày thời gian đáng kính và địa thế đẹp đẽ của mình, chùa Võng Thị đã được Bộ Văn hóa xếp hạng là Di tích lịch sử - văn hóa quốc gia.

Chùa Võng Thị

d. Đền Đồng Cổ

(Tham khảo Bài 4: Di tích lịch sử - văn hóa)

2. Các làng nghề truyền thống

Nền kinh tế vùng Bưởi xưa chủ yếu là nền kinh tế nông nghiệp, sau này chuyển sang làm các nghề thủ công. Những sản phẩm nổi tiếng của nhân dân vùng Bưởi: hoa tươi Võng Thị, lụa hoa chanh Trích Sài và giấy dó Yên Thái.

Người Võng Thị tích lũy được nhiều kinh nghiệm trồng hoa, hoa tươi Võng Thị được đem bán trong các ngày phiên chợ, được trưng bày trong những ngày lễ Tết.

Nghề dệt lĩnh là nghề truyền thống lâu đời của làng Trích Sài. Theo ghi chép và truyền thuyết, nghề dệt lĩnh của vùng Bưởi đã du nhập kĩ thuật dệt từ bên ngoài từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVII.

Một mặt hàng nổi tiếng khác của nhân dân vùng Bưởi là giấy dó. Đến thế kỉ XV, nghề làm giấy ở Bưởi đã phát triển ở trình độ cao. Sách "Thượng Kinh phong chí" đã ghi lại: "Phường An Thái làm giấy bền dai mà trắng bóng, giấy

ấy để viết dù có cất kín trong hòm tủ đến bao nhiêu năm vẫn không bị mối mọt". Kĩ thuật sản xuất giấy được thực hiện theo một quy trình công phu.

(Tham khảo Bài 6: Làng nghề truyền thống)

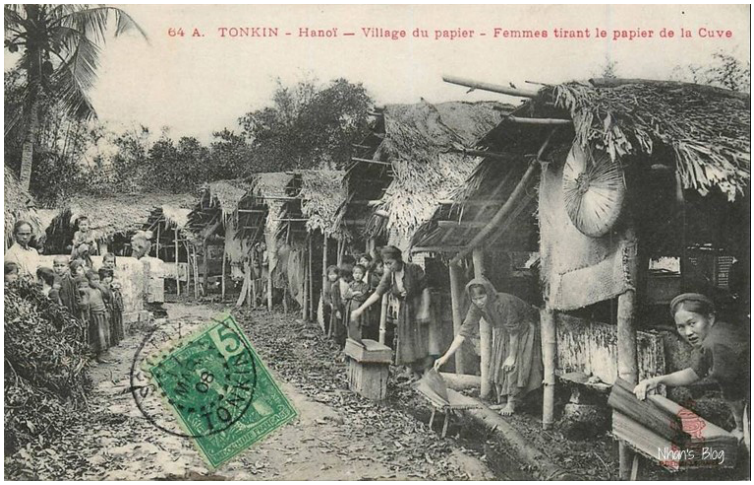

Phơi dó thành phẩm

3. Danh nhân

Nhân dân vùng Bưởi có truyền thống yêu nước quyết tâm đấu tranh bảo vệ nền độc lập tự chủ của nước nhà. Trong phong trào đấu tranh 1930 - 1931, người thanh niên trẻ Nguyễn Hoàng Tôn là một tấm gương anh dũng tô thắm thêm truyền thống cách mạng của nhân dân vùng Bưởi.

Nguyễn Hoàng Tôn (1915 - 1932) tên thật là Phạm Hữu Mẫn còn gọi là "Mẫn con" sinh năm 1915 tại Trích Sài (Bưởi), huyện Hoàn Long, Hà Nội, trong một gia đình dân nghèo thành thị. Cha mất khi anh vẫn còn nằm trong bụng mẹ. Vì hoàn cảnh nghèo túng, mẹ phải gửi anh cho người bác ruột hiếm con ở phố Bạch Mai, còn bà đi ở vú.

Ở với bác, anh sớm được tiếp xúc với một số cán bộ đến gây cơ sở cách mạng. Được gần gũi những hội viên Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, sớm giác ngộ, 15 tuổi đã tham gia hoạt động cách mạng ở Hà Nội. Anh đi các nơi diễn thuyết, ăn nói hùng hồn khiến cho ai nấy nể trọng. Anh còn đi rải truyền đơn, nghĩ ra nhiều mưu kế để truyền đơn đến được tay nhiều người.

Năm 1930, anh được điều đi công tác vô sản hóa, Nguyễn Hoàng Tôn vào vùng mỏ hoạt động, gây dựng nên phong trào thợ thuyền, phu phen cho đến cuối năm thì về Hải Phòng. Khi vừa tròn 17 tuổi, Nguyễn Hoàng Tôn đã được kết nạp Đảng Cộng sản Đông Dương, làm nhiệm vụ liên lạc cho Xứ ủy Bắc Kỳ tại Hải Phòng.

Tối ngày 20/4/1931, do có người phản bội chỉ điểm, mật thám Pháp vây cơ quan Xứ ủy ở các nhà số 37 phố Bengích (phố Lê Lai ngày nay), số 39 ngõ Đá, số 157 ngõ Đường Sắt cụt, số 8 ngõ Quảng Lạc. Để bảo vệ cán bộ trong cơ quan Xứ ủy ở số 8 ngõ Quảng Lạc (Hải Phòng), anh đã nổ súng vào bọn mật thám. Anh bị địch bắt và tra tấn dã man nhưng vẫn giữ vững khí tiết của người cộng sản, kiên quyết không khai báo. Sau đó thực dân Pháp đã mở phiên tòa, tuyên án Nguyễn Hoàng Tôn tức "Mẫn con" án tử hình.

Những ngày bị giam trong xà lim án chém Hỏa Lò, vì anh còn quá trẻ nên giặc tìm cách dụ dỗ anh làm đơn xin ân xá nhưng anh đã kiên quyết không chịu, sẵn sàng đón nhận cái chết vẻ vang. Noi gương đồng chí của anh là Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Hoàng Tôn đã hiên ngang lên máy chém của kẻ thù ở trước cửa nhà tù Hỏa Lò Hà Nội năm 1932. Khi bị dẫn qua các trại giam cũng như khi lên máy chém, Nguyễn Hoàng Tôn vẫn ung dung, bình tĩnh hô vàng khẩu hiệu: "Cách mạng Đông Dương muôn năm! Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm! Chào các đồng chí ở lại chiến đấu đến cùng!".

Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ phường Bưởi

* Em có biết?

Liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc sinh ra tại làng Bưởi, tác giả cuốn Nhật ký "Chuyện đời" (hay còn được biết dưới cái tên "Mãi mãi tuổi hai mươi". Khi chiến trường miền Nam ngày càng gay go và ác liệt, Nguyễn Văn Thạc và hàng ngàn sinh viên các trường đại học phải tạm ngừng việc học tập để bổ sung lực lượng chiến đấu cho quân đội. Anh viết cuốn nhật ký "Chuyện đời" từ ngày 2 tháng 10 năm 1971 đến ngày 3 tháng 6 năm 1972; trước khi hành quân vào chiến trường Quảng Trị, anh đã gửi cuốn nhật ký cùng nhiều lá thư về cho anh trai từ ngã ba Đồng Lộc. Hai tháng sau, ngày 30 tháng 7 năm 1972 anh đã hy sinh tại chiến trường Quảng Trị.

* Kết nối với hiện tại

Chợ Bưởi là một khu chợ nổi tiếng của Hà Nội xưa. Cứ tới các ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29 âm lịch, dân các khu vực lân cận lại kéo về chợ Bưởi bán cây, con giống, vật dụng nông nghiệp, sản vật làng nghề... Ngày nay, chợ Bưởi là chợ cổ hiếm hoi ở nội thành Hà Nội cho đến nay vẫn giữ lệ họp theo phiên 1 tháng 6 lần. Đến với những phiên chợ đặc biệt này, người đi chợ không chỉ được thỏa mãn nhu cầu mua sắm theo sở thích của mình mà còn được nhìn, ngắm và cảm nhận không khí phiên chợ giống như một phiên chợ nông thôn ở quê nhà. Người ta đến chợ để mua bán nhưng cũng có thể chỉ để dạo chơi, để được sống với ký ức và cũng có thể chỉ là ngắm cảnh vì thích một phiên chợ dân dã giữa nhịp sống đô thị hiện đại. Nhiều người dân Hà Nội và các tỉnh lân cận đã coi việc đi chợ Bưởi như một thú vui. Người Hà Nội ngày nay đã quen với nhiều loại hình chợ mới, nhưng phiên chợ Bưởi vẫn mang một nét văn hóa đặc sắc riêng. Hà Nội đô thị hóa nhanh nhưng các phiên chợ đậm chất thôn quê như chợ Bưởi vẫn được gìn giữ giữa lòng Hà Nội như một nét văn hóa đặc sắc của Thủ đô ngàn năm văn hiến.

* Học sinh tìm hiểu

1. Bản thân em cần làm gì để giữ gìn các di tích lịch sử của phường Bưởi?

2. Em hãy đóng vai một thợ thủ công giới thiệu cho người thân hoặc bạn bè quy trình làm giấy dó ở làng Yên Thái - phường Bưởi.

BÀI 14 LỊCH SỬ PHƯỜNG NHẬT TÂN

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Phường Nhật Tân trải dài hai bên bờ phía đông bắc và phía tây Hồ Tây. Thời vua Lê Hiển Tông (1740 - 1786), Nhật Tân được gọi là phường Nhật Chiêu, huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên, thành Thăng Long. Đến thời Nguyễn (thế kỉ XIX), Nhật Chiêu thuộc tổng Thượng, huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức, thành Hà Nội. Sang thời Bảo Đại (1926 - 1945) Nhật Chiêu được đổi thành Nhật Tân thuộc tổng Thượng, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông. Năm 1942, huyện Hoàn Long sáp nhập vào Hà Nội thành Đại lý đặc biệt thành phố Hà Nội. Trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), Nhật Tân sáp nhập với Quảng An thành liên xã Quảng Tân. Năm 1955, tách ra thành xã Nhật Tân, thuộc quận 5, ngoại thành Hà Nội. Năm 1961, xã thuộc huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Từ năm 1996 xã đổi thành phường Nhật Tân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (theo Quyết định số 69 ngày 27 tháng 12 năm 1995 của chính phủ).

II. NHẬT TÂN VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

1. Vị trí địa lí

Vùng đất và con người Nhật Tân được hình thành từ cổ xưa, nằm ven bờ tả ngạn sông Hồng và Hồ Tây, gắn liền với kinh thành Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội.

Phường Nhật Tân cách trung tâm thủ đô Hà Nội 7 km về phía tây bắc. Phường nằm ven Hồ Tây, có đường Âu Cơ và đường Lạc Long Quân là những tuyến đường giao thông quan trọng của quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Phía đông giáp phường Tứ Liên, phía đông nam giáp phường Quảng An, tây nam giáp phường Xuân La, phía tây và tây bắc giáp phường Phú Thượng, đông bắc giáp với sông Hồng và bên bờ bắc là xã Tầm Xá huyện Đông Anh.

Bản đồ hành chính phường Nhật Tân

2. Dân cư

Phường Nhật Tân hiện nay với 375,74 ha diện tích trong đó 140,416 ha đất canh tác, có 4.546 hộ. (Theo số liệu thống kê năm 2023).

Trải qua quá trình đấu tranh với thiên nhiên và giặc ngoại xâm để xây dựng và bảo vệ làng xã, nhân dân Nhật Tân đã hun đúc nên nhiều truyền thống tốt đẹp: truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, sẵn sàng tiếp thu cái mới, kiên trì bền bỉ, dũng cảm trong đấu tranh chống ngoại xâm để xây dựng bảo vệ quê hương.

Từ lâu đời, nhân dân Nhật Tân vốn có quan hệ gắn bó với nội thành Hà Nội - trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị của cả nước. Nhân dân địa phương thường vào nội thành bán nông sản và mua nguyên liệu, hàng tiêu dùng… Trong thời cận đại có nhiều người vào nội thành buôn bán, làm công chức, làm thợ, làm thuê…

(Theo những người già trong làng kể lại: Ngày xưa, cuộc sống của người dân nơi đây chỉ trông vào hoa màu, trồng dâu nuôi tằm. Vì thế, người dân không lúc nào được nhàn rỗi, họ phải tranh thủ thời gian mới làm hết công việc đồng áng của một ngày. Những ngày đông tháng giá, rét cắt da cắt thịt vẫn có người lội nước ven sông Hồng để vớt gỗ củi, tre nứa về bán. Hay những người già 50, 60 tuổi ngâm mình trong nước từ 10 đến 12 tiếng một ngày để hái lá dâu về cho tằm ăn lúc mùa nước ngập bãi. Đặc biệt, trong thời kì chiến tranh ác liệt, để chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam, lớp lớp cán bộ, đảng viên, thanh niên Nhật Tân đã nô nức lên đường nhập ngũ. Anh Nguyễn Văn Hoa trích máu viết đơn xin vào bộ đội, gia đình ông Chu Văn Tỳ (thôn Bắc) có 3 liệt sĩ, gia đình ông Nguyễn văn Lục (thôn Đông) có 4 con nhập ngũ và 2 liệt sĩ. Trong 10 năm (từ 1965 đến 1975) hơn 500 thanh niên lên đường chiến đấu, 70 liệt sĩ và 48 thương bệnh binh đã dâng hiến cả cuộc đời hoặc một phần xương máu vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước).

3. Kinh tế - xã hội

Từ ngày ánh sáng cách mạng của Đảng cộng sản Đông Dương (nay là Đảng cộng sản Việt Nam) soi rọi vào Nhật Tân, nhân dân Nhật Tân đã một lòng đi theo Đảng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Nhật Tân đã vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền và góp phần cùng nhân dân thủ đô lật đổ bộ máy chính quyền tay sai thân Nhật làm nên cuộc cách mạng Tháng Tám giành chính quyền về tay nhân dân.

Thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, với tinh thần cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh, thanh niên Nhật Tân đã tình nguyện vào đội cảm tử quân cùng quân dân Thủ đô chiến đấu giam chân quân Pháp trong thành phố suốt 60 ngày đêm. Xây dựng cơ sở kháng chiến góp phần giải phóng quê hương, giải phóng Thủ đô.

Hòa bình lập lại ở miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Nhật Tân hăng hái thi đua lao động sản xuất, khôi phục và phát triển kinh tế. Sau 10 năm cải tạo và xây dựng đã căn bản làm thay đổi bộ mặt quê hương. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Với tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", Đảng bộ và nhân dân Nhật Tân hăng hái thi đua lao động sản xuất, tay cày, tay súng thực hiện "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người" chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần cùng quân dân Thủ đô làm nên trận Điện Biên Phủ trên không 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972. Dốc sức cùng hậu phương miền Bắc đáp ứng yêu cầu của tiền tuyến lớn miền Nam làm nên chiến thắng lịch sử 30/4/1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Là một Đảng bộ có sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo, đoàn kết thống nhất, vượt qua khó khăn của thời kì bao cấp sau chiến tranh. Đảng bộ và nhân dân Nhật Tân bước vào thực hiện công cuộc đổi mới, đứng vững trước những biến động của tình hình thế giới và những khó khăn về kinh tế - văn hóa - xã hội ở trong nước. Vượt qua những thử thách, vấp váp trong thời kì thực hiện công cuộc đổi mới. Đảng bộ và nhân dân Nhật Tân đã đạt được nhiều thành tựu về kinh tế, văn hóa, xã hội.

Chính quyền địa phương đã triển khai thực hiện chương trình nông thôn mới giúp đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Đặc biệt, sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế có nhiều chuyển biến tích cực: ba trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở đều đạt chuẩn quốc gia. Nhiều công trình công cộng phục vụ dân sinh được xây mới khang trang, hiện đại làm thay đổi cảnh quan và cuộc sống của người dân.

Hiện nay, phường Nhật Tân đang tiếp tục trên con đường thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trụ sở Đảng ủy - UBND phường Nhật Tân

Trường THCS Nhật Tân

Cầu Nhật Tân

III. DẤU ẤN LỊCH SỬ - VĂN HÓA

Trong quá trình kiến tạo cuộc sống và xây dựng quê hương, người dân Nhật Tân đã để lại nhiều dấu ấn lịch sử - văn hóa đặc sắc, điểm tô nét truyền thống cho bức tranh tươi đẹp của địa phương. Trải qua bao thăng trầm quá khứ, các di tích và làng nghề truyền thống Nhật Tân vẫn giữ được những giá trị cổ xưa đồng thời tích cực hòa nhập với hiện tại, không ngừng phát triển, góp phần làm phong phú thêm đời sống vật chất, tinh thần của người dân nơi đây.

1. Các di tích

a. Đình Nhật Tân

Đình Nhật Tân nằm sát đê sông Hồng, phía trái đường Âu Cơ, thuộc khu dân cư số 1, phường Nhật Tân. Xưa kia đình có tên là điện Nhật Chiêu, đến triều vua Khải Định đổi thành Nhật Tân. Đình thờ Uy Linh Lang, vị tướng có công đánh giặc ngoại xâm vào thời Trần.

Đình Nhật Tân

Đình Nhật Tân được xây dựng vào khoảng thế kỉ XVII, dưới thời chúa Trịnh Tùng. Trải qua bao sự kiện lịch sử, đình đã đổ nát rồi lại được sửa chữa, tôn tạo nhiều lần. Ngôi đình trước đây từng dùng làm trường Tiểu học, nhân dịp kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội được tu bổ. Hiện nay, dáng dấp đình mang phong cách nghệ thuật kiến trúc thời Nguyễn với các công trình phía sau được xây cao hơn. Trong đình vẫn lưu 36 đạo sắc qua các triều đại phong cho thành hoàng làng Nhật Tân, tức Uy Linh Lang Đại Vương. Ngoài ra, đình còn giữ được các cổ vật thời Lê như bộ long ngai có giá trị lịch sử và thẩm mỹ cao. Lại có những hoành phi, câu đối ghi bằng chữ Hán như: "Nhật Điện Uy Linh" và "Đông A hiển thánh thanh thiên cổ, Tam quốc phong trần điện Nhật Chiêu".

Để tưởng nhớ công lao của Uy Linh Lang, hàng năm, nhân dân phường Nhật Tân làm lễ tế vào ngày 10/2 (lễ chính) và 15/8 âm lịch. Lễ hội chính được tổ chức 5 năm một lần và thường diễn ra trong 4 ngày. Lễ hội có rất nhiều trò chơi và biểu diễn văn nghệ truyền thống như: hát chèo, diễn tuồng, biểu diễn các nhạc cụ dân tộc, đánh cờ người… Lễ hội đình Nhật Tân mang đậm nét văn hóa truyền thống và bản sắc dân tộc, thể hiện sự tôn kính, ngưỡng mộ của nhân dân địa phương với vị Uy Linh Lang có công với nước với dân, dẹp giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc.

Đình Nhật Tân còn là nhân chứng lịch sử cho truyền thống anh dũng của nhân dân Nhật Tân trong kháng chiến. Đình là nơi nhân dân địa phương tham gia phong trào "Bình dân học vụ", diệt giặc dốt sau Cách mạng Tháng Tám. Trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến chống Pháp đầy gian khó (tháng 12/1946), dưới mái đình Nhật Tân, đội Quyết tử ở quận Lãng Bạc được thành lập. Ủy ban Hành chính Liên khu I cũng đã lấy đình Nhật Tân làm trạm chuyển quân lương, trạm cứu thương và nơi đón tiếp thương binh trong suốt 60 ngày đêm chiến đấu ở Thủ đô. Đặc biệt, ngày 8/5/1960, nhân dân Nhật Tân vinh dự được đón Hồ Chủ tịch về thăm đình.

Từ xa xưa mái đình, cây đa vẫn là linh hồn của làng Việt. Ngày nay, quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, tất yếu, song đình làng Nhật Tân vẫn là trung tâm sinh hoạt văn hóa truyền thống của địa phương, nơi giáo dục truyền thống uống nước nhớ nguồn, nơi bảo tồn những giá trị văn hóa tinh thần, nơi giáo dục những truyền thống tốt đẹp cho các thế hệ kế tiếp sau và tôn thêm vẻ đẹp của quê hương trong không gian của cuộc sống mới hiện đại.

Đình Nhật Tân đã được nhà nước công nhận Di tích lịch sử - Văn hóa ngày 25 tháng 1 năm 1994. Hàng năm để thể hiện lòng tự hào và biết ơn công đức của Uy Linh Lang, đồng thời để tôn vinh những tấm gương người tốt, việc tốt, UBND phường Nhật Tân trao "Giải thưởng Linh Lang" cho các cá nhân có đóng góp tích cực trong sự nghiệp xây dựng quê hương, đồng thời trao tặng các suất "Học bổng Linh Lang" có giá trị lớn về mặt tinh thần cho các em học sinh có thành tích xuất sắc.

b. Chùa Tảo Sách

Chùa Tảo Sách (hay còn gọi là Tào Sách, Linh Sơn tự) ở số 386, đường Lac Long Quân, phường Nhật Tân, nằm trong quần thể chùa, đình, phủ, miếu nổi tiếng nhìn ra Hồ Tây và cũng là một trong số ít những ngôi cổ tự ở Hà Nội còn giữ được vẻ cổ kính, u tịch, trang nghiêm của không gian Phật đài, nhưng lại rất đẹp, cảnh sắc tốt tươi, thu hút nhiều du khách và cả sỹ tử đến vãn cảnh và đọc sách.

Nhật Tân là quê hương của hoa đào, hoa sen, trên đào dưới sen quả là cảnh tiên đất Phật. Câu đối ở Thiên trụ trước chùa có từ xa xưa đã mô tả cảnh đẹp chốn thiền môn:

"Tào Sách thanh phong thiên cổ danh lam quang hữu vĩnh

Tây Hồ minh nguyệt tứ thời cảnh chí ánh vô biên"

dịch nghĩa:

"Gió mát Tào Sách danh lam nghìn xưa ánh sáng còn mãi

Trăng chiếu Hồ Tây bốn mùa cảnh sắc tươi sáng vô cùng"

Chùa Tảo Sách

Theo các tài liệu hiện có, chùa Tảo Sách được khởi dựng từ thời Tiền Lê. Ngoài việc thờ Phật, chùa Tảo Sách còn là cơ sở sinh hoạt của hội Hoa Nghiêm, bao gồm những thiện nam tín nữ của Nhật Tân và thập phương cùng chung thiện tâm thiện hành là "Tụng kinh Hoa Nghiêm, làm điều thiện, tích đức". Trong chùa còn lưu giữ được rất nhiều tư liệu Hán Nôm có giá trị và những di vật mang tính nghệ thuật cao như: 42 câu đối, 23 bức đại tự, 2 quả chuông, 29 văn bia…

Trải bao thăng trầm của thời cuộc, ngôi chùa 600 năm tuổi này dù đã được sửa chữa, tu bổ nhiều lần nhưng vẫn giữ được vẻ đẹp cổ kính, uy nghiêm, xứng đáng là nơi người dân tìm đến để sửa mình, hướng thiện, gửi gắm ước mong về một cuộc sống tốt đẹp hơn. Chùa Tảo Sách với lịch sử lâu đời, vị trí và kiến trúc độc đáo, không chỉ là một điểm hẹn văn hóa tâm linh, là niềm tự hào của nhân dân Nhật Tân mà còn là là một điểm nhấn giúp cho việc quảng bá và phát huy giá trị của hệ thống di tích ven hồ Tây. Năm 1994, chùa Tảo Sách vinh dự được Nhà nước công nhận là di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia.

2. Làng nghề truyền thống

Người dân Nhật Tân tự hào có nghề trồng đào truyền thống. Nghề trồng đào không chỉ đem lại nguồn thu nhập ổn định cho nhiều hộ dân, đóng góp tích cực vào nền kinh tế, mà còn là một nét văn hóa đặc sắc của địa phương. Từ lâu, đào Nhật Tân đã nổi tiếng với vẻ đẹp riêng có, trở thành thương hiệu, biểu tượng của người Hà Nội mỗi dịp Tết đến, xuân về. Trong mỗi cơ quan công sở hay nhà dân, sự hiện diện của một gốc đào, cành đào Nhật Tân mang tới niềm vui, sự phấn chấn và những cảm xúc rất riêng. Tiếng thơm của đào Nhật Tân càng bay xa hơn khi xuất hiện trên những nẻo đường ra Bắc vào Nam, thậm chí cả trên những chuyến bay đến với những người con xa xứ.

Hoa đào Nhật Tân

Em có biết?

Ở Nhật Tân có nhiều loại đào, trong đó có bốn giống chính là: đào bích, đào phai, đào bạch và đào thất thốn. Đào bích là loại phổ biến nhất, tạo nên thương hiệu hoa đào Nhật Tân. Hoa có màu đỏ, cánh lớn (đường kính lớn hơn 3,5 cm), độ bền cao, từ 15 đến 20 ngày, nên rất được ưa chuộng. Đào phai có màu hồng phớt là chủ đạo, đường kính lớn nhất trong các giống đào (khoảng hơn 4 cm). Số lượng cánh hoa nhiều từ 20 đến 22 cánh, độ bền từ 12 đến 15 ngày. Đào bạch cánh màu trắng, đường kính tương đương với đào bích, độ bền từ 15 đến 20 ngày. Đào thất thốn là giống đào quý, còn có tên gọi khác là "Đào tiến Vua". Hoa có màu đỏ thắm, cánh dày (40 - 50 cánh), độ bền lên tới 20 - 25 ngày. Giống hoa này có yêu cầu cao về kĩ thuật chăm sóc, đẹp và rất bền nên thường có giá thành cao nhất.

Kết nối với hiện tại

Thiên nhiên ban tặng cho vùng đất Nhật Tân khí hậu, thổ nhưỡng, nguồn nước thuận lợi, cùng với bàn tay khéo léo, kinh nghiệm trồng đào lâu đời của người dân nên hàng trăm năm qua, đào Nhật Tân nổi tiếng khắp cả nước, trở thành thương hiệu và niềm tự hào của người Hà Nội. Thương hiệu hoa đào Nhật Tân đã khẳng định vị trí riêng có trên thị trường, đặc biệt từ ngày 25/04/2006 Cục Bản quyền tác giả Văn học Nghệ thuật đã cấp giấy chứng nhận bản quyền tác giả nhãn hiệu tập thể " Hoa Đào Nhật Tân"; ngày 24/01/2008 Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng kí nhãn hiệu số 95175 (Quyết định số 1360/QĐ-SHTT); năm 2013 đào Nhật Tân được người tiêu dùng bình chọn là sản phẩm tin cậy. Tháng 12/2015 làng đào Nhật Tân chính thức được công nhận là làng nghề truyền thống.

Học sinh tìm hiểu

1. Em có suy nghĩ gì về mảnh đất và con người Nhật Tân?

2. Hãy đóng vai là Nhà sử học nhỏ tuổi chia sẻ những hiểu biết của em về một di tích lịch sử trên quê hương Nhật Tân?

3. Nếu em là hướng dẫn viên du lịch, em sẽ giới thiệu với bạn bè bốn phương như thế nào về nghề trồng đào ở Nhật Tân?

PHẦN III

GẮN KẾT GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG ĐỊA PHƯƠNG VỚI HOẠT ĐỘNG HƯỞNG ỨNG VĂN HÓA ĐỌC

Phần gắn kết giáo dục lịch sử địa phương với văn hóa đọc mang đậm tính lịch sử, văn học, thẩm mĩ, tính giáo dục, góp phần kết nối giữa truyền thống và hiện tại. Nội dung này giúp các em học sinh nâng cao kiến thức, kỹ năng, phát triển tư duy, hình thành thói quen đọc sách lành mạnh và hữu ích.

TÂY HỒ - NGUỒN CẢM HỨNG BẤT TẬN

Như một lẽ rất tự nhiên, vẻ đẹp của Tây Hồ luôn dễ chạm vào trái tim người nghệ sĩ, tạo nguồn cảm hứng bất tận cho thi ca, nhạc họa, văn chương bao đời nay. Từ các tác phẩm nghệ thuật, thi ca nhạc họa về Tây Hồ còn được lưu giữ mà chiều sâu vẻ đẹp nơi đây càng trở nên cuốn hút và lãng mạn hơn bao giờ hết. Những sáng tác về Tây Hồ vẫn luôn là di sản gắn kết mọi người với Tây Hồ, với một phần tâm thức người Hà Nội. Cùng với các giá trị khác như cảnh quan, kinh tế, kiến trúc, lịch sử... văn học viết về Tây Hồ cũng là một giá trị đặc biệt, nâng tầm mảnh đất Tây Hồ trở thành một điểm hẹn văn hóa thú vị cho bất cứ ai khi đến với Hà Nội.

1. NGUYỄN TRÃI

Nguyễn Trãi hiệu là Ức Trai, sinh ở Thăng Long, ông là anh hùng dân tộc. Nguyễn Trãi từng làm quan dưới triều Hồ. Sau khi Việt Nam bị rơi vào sự cai trị của nhà Minh, Nguyễn Trãi tham gia vào cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo chống lại quân Minh. Nguyễn Trãi cũng là một nhà văn hoá lớn, có đóng góp to lớn vào sự phát triển của văn học và tư tưởng Việt Nam. Ông được coi là anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá của Việt Nam và thế giới.

Một hôm ở trong Triều về, Nguyễn Trãi đã gặp Nguyễn Thị Lộ - người con gái đẹp, biết làm thơ chữ Hán và thơ Nôm, ông đã làm bài thơ 4 câu bằng quốc âm để ướm hỏi rằng:

Ả ở đâu ta bán chiếu gon?
Hỏi thăm chiếu ấy hết hay còn?
Xuân xanh chừng độ bao nhiêu tuổi?
Đã có chồng chưa? Hỏi mấy con.

Nguyễn Thị Lộ liền làm một bài họa để trả lời lại:

Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon.
Cớ chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân xanh chừng độ giăng tròn lẻ.
Đã có chồng đâu, hỏi mấy con!

2. NGUYỄN DU

Nguyễn Du tên chữ là Tố Như, tên hiệu là Thanh Hiên, sinh năm 1766 tại phường Bích Câu - Thăng Long, quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Nguyễn Du là nhà thơ nhân đạo lỗi lạc với tấm lòng sâu sắc, bao dung. Những sáng tác của Nguyễn Du là sự kết tinh những thành tựu chữ Hán và chữ Nôm của dân tộc. Nguyễn Du đã có công lớn trong việc đưa ngôn ngữ văn học Tiếng Việt lên trình độ điêu luyện, cổ điển. Ông có hai kiệt tác là: Truyện Kiều (Đoạn trường tân thanh) và Văn tế thập loại chúng sinh. Năm 1965 ông được Hội đồng hòa bình thế giới của UNESCO công nhận là danh nhân văn hóa thế giới và quyết định kỉ niệm trọng thể nhân dịp 200 năm sinh của ông.

Trong những lần đi hái sen ở Hồ Tây, thú vui phong nhã đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng nhà thơ Nguyễn Du, trở thành một nỗi niềm yêu thương như một kỷ niệm đẹp khó phai mờ về vùng đất Tràng An thanh lịch.

Xắn gọn quần cánh bướm,
Chèo thuyền con hái sen,
Nước Hồ Tây lai láng,
Dưới nước bóng người in
Hái, hái sen ở hồ Tây,
Cả hoa và gương đều bỏ trên thuyền,
Hoa để tặng người mình sợ,
Gương để tặng người mình thương
Sáng sớm hôm nay đi hái Sen,
Có hẹn với cô hàng xóm
Không biết đến lúc nào,
Sau khóm hoa nghe có tiếng người nói.

3. HỒ XUÂN HƯƠNG

Hồ Xuân Hương quê ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An, sau này sống tại phường Khán Xuân, huyện Vĩnh Thuận, Hồ Tây (Hà Nội) bây giờ. Đây là nơi sinh sống và là nơi Xuân Hương đón tiếp, xướng họa với các bạn làng thơ. Thơ Hồ Xuân Hương tha thiết với tình yêu, với cuộc sống. Chính nữ thi sĩ ấy với những dòng thơ ngang tàng, tài tử đã tự khắc họa chân dung bản thân mình và truyền lại cho hậu thế bức tranh của một thời kỳ lịch sử cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. Một số tác phẩm nổi tiếng của nữ thi sĩ: Hỏi trăng, Đèo Ba Dội, Kẽm Trống… Không gian Hồ Tây ẩn hiện trong nhiều tác phẩm của bà một cách tự nhiên và đẹp vô cùng. Vẻ đẹp mênh mang, mờ ảo và huyền hoặc của Hồ Tây đã mang đến sự thăng hoa cho hồn thơ và tài năng của người nữ sĩ này.

Êm ái chiều Xuân tới Khán đài
Lâng lâng chẳng gợn chút trần ai
Ba hồi triêu mộ chuông gầm sóng
Một vũng tang thương nước lộn trời
Bể ái nghìn trùng khôn tát cạn!
Nguồn ân muôn trượng dễ khơi vơi?

(Chơi Đài Khán Xuân - Hồ Xuân Hương)

Ảnh minh họa nữ thi sỹ Hồ Xuân Hương

4. BÀ HUYỆN THANH QUAN

Bà Huyện Thanh Quan - tên thật là Nguyễn Thị Hinh, người phường Nghi Tàm, Tổng Thượng, huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài phủ Hoài Đức (Hà Nội), nay thuộc xã Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội. Bà là một nhà thơ nổi tiếng, thơ của bà điêu luyện, chuẩn mực về niêm luật nhưng cũng hàm súc và giàu nhạc điệu. Bến làng Nghi Tàm trông ra Hồ Tây là một cảnh đẹp của đất Thăng Long mà chúa Trịnh Giang đã từng lập bến tắm ở đây. Sóng nước Hồ Tây cùng cảnh đẹp quê hương đã in đậm vào tâm hồn thơ của nữ thi sĩ từ khi bà còn nhỏ. Thơ của Bà Huyện Thanh Quan thường khắc họa nên những bức tranh cổ kính mà bình dị, đượm màu sắc dân tộc, có cái buồn man mác, sâu lắng, làm rung động lòng người:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt
Nước còn chau mặt với tang thương.
Nghìn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đó người đây luống đoạn trường!

(Thăng Long Hoài Cổ - Bà Huyện Thanh Quan)

Chân dung Bà Huyện Thanh Quan. Ảnh: Nhà xuất bản Kim Đồng

5. NGUYỄN HUY LƯỢNG

Nguyễn Huy Lượng, là văn thần và là nhà thơ ở cuối đời Lê Trung Hưng, nhà Tây Sơn đến đầu đời nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam. Ông đã viết *Tụng Tây hồ phú* trong mối cảm hứng trữ tình chan chứa đối với triều đại Tây Sơn. Bài thơ gây cho người đọc một ấn tượng mạnh, ở chốn lần đầu tiên một bức tranh toàn cảnh về Hồ Tây - một góc Thăng Long được dựng lên rất thực:

Sắc rờn rờn nhuộm thức lam xanh,

Ngỡ động bích nổi lên dòng lẻo lẻo;

Hình lượn lượn uốn vòng câu bạc,

Tưởng vầng ngân rơi xuống mảnh nhò nhò (nho nhỏ)

Dư nghìn mầu nước trời lẫn sắc,

Trải bốn bên hoa cỏ chiều mùa

...

Gió hiu hiu dòng Nhị thủy đưa lên,

Lòng hơi mát tới chùm hoa khóm trúc

Trăng vằng vặc mái Tam Sơn rọi xuống,

Đớp bóng trong từng lũ cá đàn cò.

Hồ Tây của những màu sắc rất mực tươi tắn và Hồ Tây còn của bao nhiêu đền, chùa, quán miếu - một dấu vết văn hóa đẹp đẽ, một sự kiện lịch sử, một truyền thống hiếu học, một di tích anh hùng….

Đền Mục Lang hương lửa chẳng rời, tay lưới phép còn ghi công bắt hổ;

Quán Trấn Vũ nắng mưa nào chuyển, lưỡi gươm thiêng còn để tích giam rùa.

Kề bến nọ quán Thiên Niên lớp lớp;

Cách ngàn kia ghềnh Vạn Bảo nhấp nhô.

Tòa Kim Liên sóng nổi mùi hương, chùa Trấn Quốc tưởng in vùng tĩnh phạn;

Hàng cổ thụ gió rung bóng lục, tràng Phụng Thiên nhận sẵn thú Nghi Vu. (1)

(1) Tràng trường học hoặc trường Thi Hương, Cả vế ý nói: Trường học của Thăng Long ở gần hồ Tây, có cái thú trăng trong gió mát.

CÁC ĐƯỜNG, PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN TÂY HỒ

Quận Tây Hồ có nhiều con đường mang tên các vị anh hùng dân tộc, huyền thoại như: Lạc Long Quân, Âu Cơ, An Dương Vương, Nguyễn Hoàng Tôn, Võ Chí Công... và những "con đường thi ca" mang tên các nhạc sĩ, nhà văn nhà thơ, danh họa như Nguyễn Đình Thi, Trịnh Công Sơn, Xuân Diệu, Đặng Thai Mai, Tô Ngọc Vân...Tên đường phố không chỉ mang nét đặc trưng văn hóa, văn minh đô thị, mà còn góp phần quan trọng giáo dục, giới thiệu lịch sử, truyền thống của Quận Tây Hồ. Khi đi trên đường phố, chúng ta thêm trân trọng, tự hào về truyền thống yêu nước của dân tộc; học được lịch sử, học được văn hóa, bồi đắp tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc.

1. ĐƯỜNG LẠC LONG QUÂN, ĐƯỜNG ÂU CƠ

Đường Âu Cơ được thành lập theo Nghị quyết số 16/2001/NQ-HĐ ngày 18/7/2001 (từ ngã ba Nhật Tân đến đường Nghi Tàm (khách sạn Thắng Lợi), đường có chiều dài 3.000m và chiều rộng từ 6 - 8 m.

Đường Lạc Long Quân là đoạn đường phía Tây Hồ Tây, từ ngã ba Nhật Tân đến Chợ Bưởi có chiều dài khoảng 3,5 km. Chiều hướng phía Tây Nam tiếp giáp với đường Bưởi, phía Đông Bắc tiếp giao với Âu Cơ và An Dương Vương. Các tuyến phố cắt ngang: Hoàng Hoa Thám, Xuân La, Nguyễn Hoàng Tôn, An Dương Vương, Âu Cơ.

Âu Cơ theo truyền thuyết thuộc giống tiên, lấy Lạc Long Quân thuộc giống Rồng và đẻ ra "Một bọc trăm trứng". Sau đó một nửa người con trai theo bố ra biển, nửa kia theo mẹ lên vùng rừng núi. Một người trong số người con ở đất Phong Châu lên ngôi vua, hiệu là Hùng Vương - mở đầu cho sự nghiệp nước Văn Lang.

Ảnh minh họa Lạc Long Quân, Âu Cơ

2. ĐƯỜNG AN DƯƠNG VƯƠNG

Đường An Dương Vương thuộc phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, có chiều dài 3.400m, rộng từ 20 - 22 m; từ ngã ba Nhật Tân - chỗ đường Lạc Long Quân gặp đường Âu Cơ - chạy trên đê sông Hồng tới ngã ba đi Chèm với đường Nam Thăng Long (mới đặt tên là đường Phạm Văn Đồng).

An Dương Vương: Thục Phán (thế kỷ III TCN) là thủ lĩnh bộ lạc Âu Việt đất Văn Lang. Sau khi được vua Hùng nhường ngôi, ông hợp nhất với bộ lạc Lạc Việt lập ra nước Âu Lạc, đóng đô ở Kẻ Chủ (Cổ Loa) xây dựng thành Ốc để bảo vệ bờ cõi. Đền thờ ông và di tích thành cổ còn ở xã Cổ Loa, huyện Đông Anh bây giờ, đã được công nhận là di tích lịch sử - văn hoá năm 1962.

3. ĐƯỜNG XUÂN DIỆU

Đường Xuân Diệu thuộc phường Quảng An, Tây Hồ. Đường có chiều dài 1.100 m, rộng 3,3 m, được thành lập theo Tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 03/1/1998.

Xuân Diệu (1916 - 1985) tên đầy đủ là Ngô Xuân Diệu - một trong những nhà thơ tiêu biểu trong phong trào thơ mới của Việt Nam. Ông tham gia phong trào Việt Minh, Hội văn hóa cứu quốc rồi trở thành đảng viên Đảng Cộng sản. Ông là Ủy viên Thường vụ Hội Nhà văn, Ủy viên Ban chấp hành Hội Văn nghệ dân gian trong nhiều khóa. Năm 1983 ông được Viện Hàn Lâm nghệ thuật nước CHDC Đức bầu làm Viện sĩ thông tấn. Ông không những là đại diện ưu tú cho dòng thơ lãng mạn mà còn là một trong những cây bút tiêu biểu cho nền thơ hiện đại Việt Nam. Các tác phẩm tiêu biểu: Thơ Thơ, Gửi hương cho gió, Một khối hồng, Thanh ca, Tôi giàu đôi mắt, Riêng chung, Mẹ con...

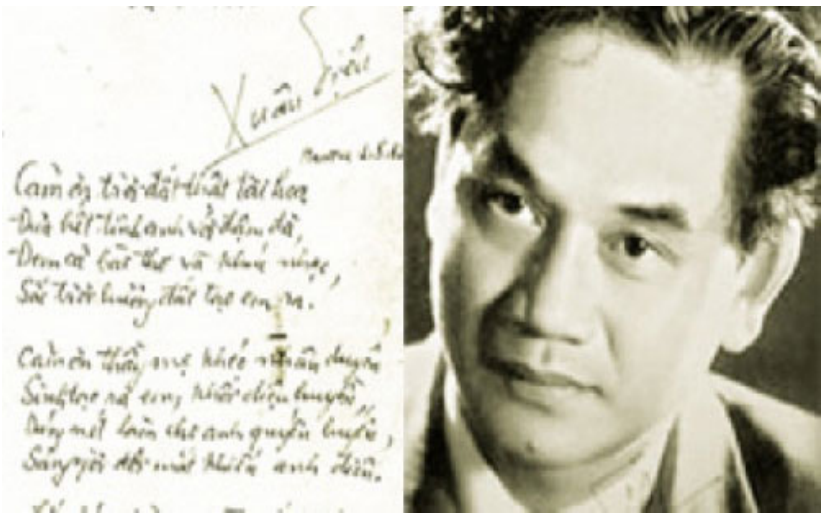

Ảnh nhà thơ Xuân Diệu

4. ĐƯỜNG TÔ NGỌC VÂN

Đường Tô Ngọc Vân thuộc phường Quảng An (đoạn từ đường Yên Phụ đến nhà nghỉ Quảng Bá) có chiều dài 450 m, rộng 5,5 m.

Liệt sĩ danh họa Tô Ngọc Vân (1906 - 1954), quê quán ở Hải Hưng, là họa sỹ Việt Nam nổi tiếng, tác giả của một số bức tranh tiêu biểu cho nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại. Năm 1942, ông tham gia hoạt động bán công khai trong Mặt trận Việt Minh. Trong suốt quãng thời gian hoạt động sáng tạo nghệ thuật, ông đã để lại được rất nhiều tác phẩm ấn tượng, các tác phẩm tranh sơn dầu tiêu biểu: Thiếu nữ bên hoa sen (1944), Thiếu nữ bên hoa huệ (1943), Hai thiếu nữ và em bé (1944), Buổi trưa (1936); Thiếu phụ ngồi bên tranh tam đa (1942), Bên hoa (1942)…

Bức tranh Thiếu nữ bên bình hoa huệ - Họa sỹ Tô Ngọc Vân

5. ĐẶNG THAI MAI

Đường Đặng Thai Mai, thuộc phường Quảng An, Quận Tây Hồ từ đường Yên Phụ (ven Hồ Tây) đến nhà nghỉ K5, có chiều dài 800 m, rộng: 5,5 m.

Nhà văn, nhà nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai (1902 - 1984), quê làng Lương Điền, tổng Bích Hào (nay là xã Thanh Xuân), huyện Thanh Chương, Nghệ An là một trong những người sáng lập ra trường Thăng Long ở Hà Nội, sáng lập phong trào truyền bá quốc ngữ. Ông là người đầu tiên đặt nền móng cho văn học Mác - xít ở Việt Nam. Ông giữ nhiều chức vụ quan trọng dưới thời chính quyền cách mạng: Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Viện trưởng Viện Văn học, Chủ tịch Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam và là đại biểu quốc hội nhiều khóa. Ông là tác giả của nhiều công trình nghiên cứu lý luận nổi tiếng: "Văn học khái luận", "Tạp văn Trung Quốc", "Trên đường học tập và nghiên cứu", "Văn thơ Phan Bội Châu, "Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ thứ XX"…

6. ĐƯỜNG VÕ CHÍ CÔNG

Để nhớ đến những đóng góp to lớn cho đất nước của cố Chủ tịch nước Võ Chí Công, năm 2015, đường vành đai 2 Hà Nội chính thức được đổi tên thành đường Võ Chí Công. Đường Võ Chí Công chạy qua 2 quận là Tây Hồ và Cầu Giấy - Hà Nội có có chiều dài 4,25 km; chiều rộng 57,2 km đến 64,5 km.

Ảnh đồng chí Võ Chí Công

Đồng chí Võ Chí Công, tên khai sinh là Võ Toàn, sinh ngày 07/8/1912 trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng, tại làng Khương Mỹ, tổng Phú Quý, phủ Tam Kỳ, nay thuộc xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Đồng chí Võ Chí Công - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, Nhà nước, có nhiều công lao, đóng góp quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ người yêu nước trở thành người cộng sản, đồng chí đã lăn lộn bám dân, bám địa bàn, gây dựng cơ sở cách mạng tại các tỉnh miền Trung. Đồng chí là Cố vấn Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (tháng 6/1991) và khoá VIII (tháng 6/1996) đến Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII; đại biểu Quốc hội các khoá VI, VII, VIII. Với những công lao, đóng góp to lớn đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, đồng chí Võ Chí Công đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác.

7. PHỐ TRỊNH CÔNG SƠN

Phố Trịnh Công Sơn thuộc phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ được mệnh danh là con đường đẹp và lãng mạn của Thủ đô Hà Nội, ôm quanh ven Hồ Tây, có chiều dài 900 m, nối từ ngõ 612 Lạc Long Quân (cổng công viên nước Hồ Tây), đi qua đầm sen, chạy vòng hồ ra dốc đê đường Âu Cơ, cạnh Trường THPT Phan Chu Trinh.

Ảnh cố nhạc sỹ Trịnh Công Sơn

Trịnh Công Sơn quê tại làng Minh Hương, tổng Vĩnh Tri, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trịnh Công Sơn là một trong những nhạc sĩ lớn nhất của Tân nhạc Việt Nam. Trong sự nghiệp âm nhạc, ông đã sáng tác trên 600 tác phẩm, những tác phẩm không những mang đậm một phong cách riêng mà còn gửi gắm một số triết lý. Một số tác phẩm tiêu biểu như: Diễm xưa, Ca dao mẹ, Ngủ đi con, Huyền thoại mẹ; Nối vòng tay lớn,… Năm 1972, ông đoạt giải thưởng Đĩa Vàng ở Nhật Bản với bài Ngủ đi con; Năm 1997 ông đoạt giải thưởng lớn của Hội nhạc sĩ cho một chuỗi bài hát: Xin trả nợ người, Sóng về đâu, Em đi bỏ lại con đường, Ta đã thấy gì hôm nay ? ...

8. ĐƯỜNG NGUYỄN HOÀNG TÔN

Con đường mang tên Nguyễn Hoàng Tôn đã được đặt tên để tưởng nhớ đến người chiến sỹ cộng sản kiên trung Nguyễn Hoàng Tôn. Đường được tính từ đường Vệ Hồ (cạnh vườn hoa Lạc Long Quân), ngang qua KĐT Ciputra tới đường Phạm Văn Đồng (vành đai 3) với chiều dài 2.760 m, rộng 7 - 25 m.

Đồng chí Nguyễn Hoàng Tôn tên thật là Phạm Hữu Mẫn, sinh năm 1914 tại làng Trích Sài (Bưởi), Hà Nội. Năm 1930, đồng chí Nguyễn Hoàng Tôn được đồng chí Ngô Đình Mẫn một cán bộ cách mạng đang hoạt động bí mật trong nội thành tuyên truyền, giác ngộ và hướng theo con đường cách mạng. Khi bị áp giải qua các trại giam cũng như khi lên máy chém, Nguyễn Hoàng Tôn vẫn từ tốn, bình tĩnh hô vang khẩu hiệu: *"Cách mạng Đông Dương muôn năm! Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm! Chào các đồng chí ở lại chiến đấu đến cùng!"*. Đồng chí Nguyễn Hoàng Tôn đã hy sinh anh dũng khi chưa tròn 18 tuổi, mặc dù không còn nữa nhưng tinh thần gan dạ, kiên trung "sống anh dũng, chết vẻ vang" của người chiến sỹ cách mạng trẻ tuổi Nguyễn Hoàng Tôn mãi là tấm gương sáng về lòng quả cảm, đức hy sinh vì Tổ quốc để các thế hệ hôm nay và mai sau học tập, noi theo.

9. NGUYỄN ĐÌNH THI

Ảnh nhà văn, nhà thơ Nguyễn Đình Thi

Con đường mang tên Nguyễn Đình Thi thuộc phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ. Đường có chiều dài 2.200 m, chạy vòng quanh Hồ Tây, nối từ vườn hoa Lý Tự Trọng đến ngã ba giao cắt Trích Sài, đối diện nhà số 2.

Nguyễn Đình Thi (1924 - 2003) là một nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình văn học và nhạc sĩ Việt Nam thời hiện đại. Nguyễn Đình Thi là một trong những nhà văn tài hoa trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, ông đã để lại cho đời một kho tàng tác phẩm đồ sộ với đa dạng các thể loại từ thơ ca, văn xuôi đến kịch bản. Những tác phẩm nổi tiếng: Đất nước, Lá đỏ, Việt Nam quê hương ta, Mùa thu vàng…

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

STT	Tên sách
1	Tô Hoài - Chuyện cũ Hà Nội, NXB Văn hóa dân tộc, năm 1998.
2	Danh tích Tây Hồ, UBND Quận Tây Hồ, NXB Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, xuất bản năm 2000.
3	Ban Chấp hành Đảng bộ phường Nhật Tân, Lịch sử cách mạng phường Nhật Tân (1945 - 2000), NXB Hà Nội 2004.
4	Ban Chấp hành Đảng bộ phường Quảng An, Lịch sử Đảng bộ phường Quảng An (1930 - 2005) NXB Công ty Cổ phần Văn hóa Hà Nội, năm 2008.
5	Mặt gương Tây Hồ - Nguyễn Vinh Phúc, Công ty in Anh Đức, xuất bản năm 2009.
6	Hà Nội nghìn xưa, Giáo sư Trần Quốc Vượng, Vũ Tuân Sán, NXB Hà Nội, Công ty in Anh Đức, xuất bản năm 2009.
7	Bách Khoa Thư Hà Nội (Địa lý) Thành ủy - HĐND - UBND Thành phố Hà Nội, Công ty TNHH In Khuyến học năm 2010.
8	Ban Chấp hành Đảng bộ phường Tứ Liên, Lịch sử cách mạng phường Tứ Liên (1938 - 2008), NXB Hà Nội, 2010.
9	Ban Chấp hành Đảng bộ phường Bưởi, Lịch sử cách mạng phường Bưởi, 1930-2010) , NXS Xí nghiệp in tổng cục quốc phòng, Hà Nội tháng 8 năm 2013.
10	Ban Chấp hành Đảng bộ phường Xuân La, Lịch sử cách mạng Đảng bộ phường Xuân La NXB Chính trị Quốc gia Sự thật Hà Nội, năm 2014.
11	Ban Chấp hành Đảng bộ phường Yên Phụ, Lịch sử cách mạng Đảng bộ phường Yên Phụ (1930 - 2013), NXB Hà Nội, 2015.
12	Di tích Tây Hồ, NXB Hà Nội, năm 2016.
13	Ban Chấp hành Đảng bộ phường Thụy Khuê, Lịch sử Đảng bộ phường Thụy Khuê (1930-2015), NXB chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội 2019.
14	Quận Tây Hồ 25 năm xây dựng và phát triển, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật Hà Nội, năm 2020.
15	Hà Nội tôi yêu, Nguyễn Văn Truyền, Nhà xuất bản Hà Nội năm 2020.
16	Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân phường Phú Thượng (1926 - 2020), xuất bản năm 2022.

Mục lục

Lời nói đầu	2
Phần I: Lịch sử truyền thống, cách mạng quận Tây Hồ	4
Bài 1: Tây Hồ, vùng đất và con người	5
Bài 2: Lịch sử đảng bộ quận Tây Hồ	11
Bài 3: Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân quận Tây Hồ	23
Bài 4: Di tích lịch sử - văn hoá	30
Bài 5: Các lễ hội truyền thống	41
Bài 6: Làng nghề truyền thống	46
Phần II: Khái quát về lịch sử, truyền thống cách mạng các phường thuộc quận Tây Hồ	56
Bài 7: Lịch sử phường Quảng An	57
Bài 8: Lịch sử phường Tứ Liên	66
Bài 9: Lịch sử phường Yên Phụ	73
Bài 10: Lịch sử phường Thụy Khuê	81
Bài 11: lịch sử phường Xuân La	92
Bài 12: Lịch sử cách mạng phường Phú Thượng	98
Bài 13: lịch sử phường Bưởi	107
Bài 14: Lịch sử phường Nhật Tân	117
Phần III: Gắn kết giáo dục truyền thống địa phương với hoạt động hưởng ứng văn hóa đọc	126
TÂY HỒ - NGUỒN CẢM HỨNG BẤT TẬN	127
CÁC ĐƯỜNG PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN TÂY HỒ	132
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	137

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

Ban Thường vụ Quận ủy Tây Hồ

BAN BIÊN SOẠN

Trần Thị Thu Hường - UVBTV, Trưởng BTG Quận ủy, Trưởng Ban
Trần Thị Hương - Trưởng Phòng GD & ĐT Quận, Phó Trưởng Ban
Nguyễn Thanh Tịnh - UVBTV, Phó Chủ tịch UBND quận (Nguyên Trưởng ban Tuyên giáo QU)
Chu Thị Minh Tân - QUV, Bí thư Đảng ủy phường Xuân La, Thành viên
Chử Phùng Lệ Giang - Trưởng Phòng Văn hóa & Thông tin Quận, Thành viên
Chu Thị Thùy Giang - Phó Trưởng BTG Quận ủy, Thành viên
Trương Thị Ngọc - Phó Chủ tịch UBND phường Thụy Khuê (Nguyên Phó Trưởng BTG Quận ủy)
Lê Anh Minh - Chuyên viên BTG Quận ủy, Thành viên
Đào Thị Bích Ngọc - Phòng Giáo dục và Đào tạo, Thành viên
Nguyễn Minh Loan - Phòng Giáo dục và Đào tạo, Thành viên
Đặng Thị Thu Vinh - Trường THCS An Dương, Thành viên
Đỗ Thị Thanh Mai - Trường THCS Đông Thái, Thành viên
Nguyễn Công Đức - Trường THCS Quảng An, Thành viên
Lê Thị Luyến - Trường THCS Nhật Tân, Thành viên
Đoàn Thị Thùy Linh - Trường THCS Tứ Liên, Thành viên
Phạm Thị Ngọc Thúy - Trường THCS Chu Văn An, Thành viên
Trần Thị Thanh Dung - Trường THCS Phú Thượng, Thành viên
Phạm Huyền Trang - Trường THCS Xuân La, Thành viên
Nguyễn Thị Thanh Nhàn - Trường TH An Dương, Thành viên
Phạm Hoàng Phương - Trường TH Chu Văn An A, Thành viên
Lê Thanh Hoa - Trường TH Đông Thái, Thành viên
Trần Minh Yến - Trường TH Nhật Tân, Thành viên
Phạm Thúy Hiền - Trường TH Phú Thượng, Thành viên
Nguyễn Thị Ngọc - Trường TH Quảng An, Thành viên
Phạm Thị Huyền Trang - Trường TH Tứ Liên, Thành viên
Vũ Thị Quỳnh Hương - Trường TH Xuân La, Thành viên
Lê Thị Khuyên - Trường THPT Tây Hồ, Thành viên
Trần Thị Mai - Trường THPT Chu Văn An, Thành viên
Đoàn Thị Thúy - Trường THPT Dân lập Đông Đô, Thành viên
Đinh Hồng Nhung - Chuyên viên Ban Tuyên giáo Quận ủy, Thư ký

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
GIÁM ĐỐC: BÙI MINH CƯỜNG

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG
TS. NGUYỄN HUY TIẾN

BIÊN TẬP
VŨ MINH HUYỀN

THIẾT KẾ MAKET NỘI DUNG
NGUYỄN VIỆT ANH

THIẾT KẾ BÌA
NGUYỄN VIỆT ANH

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
70 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 024 3942 3172 Fax: 024 3822 0658
Email: nxbkhkt@hn.vnn.vn
Website: https://nxbkhkt.com.vn

In 500 bản, khổ 19 x 26.5 cm, tại Công ty TNHH Tân Đô.
Địa chỉ: Số 17, ngõ 343 đường Trần Khát Chân, Phường Thanh Nhàn,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số ĐKXB: 4896-2022/CXBIPH/01-264/KHKT
Quyết định xuất bản số: 313/QĐXB-NXBKHKT, ngày 28 tháng 12 năm 2022.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.
ISBN: 978-604-67-2546-6